

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN
TRƯỜNG THÀNH
TRUONG THANH DEVELOPMENT
AND CONSTRUCTION INVESTMENT
JOINT STOCK COMPANY**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

Số/ No.: 32.../2025/TTA/TB

Yên Bái, ngày 24 tháng 01 năm 2025
Yen Bai, January 24th, 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE**

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
To: *Hochiminh Stock Exchange***

1. Tên tổ chức/*Name of organization*: Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và Phát triển Trường Thành/ *Truong Thanh Development and Construction Investment Joint Stock Company*

- Mã chứng khoán/Mã thành viên/ *Stock code/ Broker code*: TTA.
- Địa chỉ/*Address*: thôn Nậm Cườm, xã Nậm Búng, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái/*Nam Cuom village, Nam Bung ward, Van Chan dist., Yen Bai province.*
- Điện thoại liên hệ/ *Tel.*: 02163.897359/ 02462.691699
Fax: 02163.897.359
- E-mail: ir@truongthanhgroup.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/*Contents of disclosure*:

Báo cáo tài chính quý IV năm 2024 và Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế/*Financial Statements of 4th quarter of 2024 and Explanation of the Difference in After-tax Profit.*

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 24/01/2025 tại đường dẫn <http://www.truongthanhgroup.com.vn> / *This information was published on the company's website on 24/01/2025, as in the link <http://www.truongthanhgroup.com.vn>.*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/ *We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

Báo cáo tài chính quý IV năm 2024 và Công văn giải trình/ *Financial Statements of 4th quarter of 2024 and Explanation Document.*

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người UQ CBTT

Person authorized to disclose information

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(Signature, full name, position, and seal)



Nguyễn Duy Hưng

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ
PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Quý IV năm 2024

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Mục lục Báo cáo tài chính tổng hợp	1
<i>Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>	<i>2-5</i>
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp Quý IV năm 2024</i>	<i>6</i>
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp Quý IV năm 2024</i>	<i>7-8</i>
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp Quý IV năm 2024</i>	<i>9-40</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Vân Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		272.786.011.711	196.548.132.130
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	27.736.366.481	3.907.257.691
1. Tiền	111		27.736.366.481	3.907.257.691
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		244.619.160.316	192.335.164.438
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	110.127.457.516	87.028.879.344
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	10.370.919.586	8.360.501.880
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	124.120.783.214	96.945.783.214
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		430.484.914	305.710.001
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5a	430.484.914	305.710.001
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.974.282.803.064	4.179.988.266.151
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		3.819.782.843.877	4.034.548.028.839
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	3.819.635.116.977	4.034.400.301.939
<i>Nguyên giá</i>	222		5.057.840.259.469	5.055.677.710.378
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.238.205.142.492)	(1.021.277.408.439)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	147.726.900	147.726.900
<i>Nguyên giá</i>	228		147.726.900	147.726.900
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.8	55.118.977.597	46.066.687.597
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		55.118.977.597	46.066.687.597
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		99.296.899.070	99.296.899.070
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.9	115.500.000.000	115.500.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(17.203.100.930)	(17.203.100.930)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.10	1.000.000.000	1.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		84.082.520	76.650.645
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.5b	84.082.520	76.650.645
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4.247.068.814.775	4.376.536.398.281

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		2.071.255.020.360	2.394.946.335.835
I. Nợ ngắn hạn	310		346.529.585.836	411.430.445.361
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	3.372.041.471	5.826.473.835
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	18.310.899.755	27.402.864.797
4. Phải trả người lao động	314		5.511.862.209	5.293.108.325
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	1.488.078.748	10.861.882.822
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14a	34.560.408.637	39.307.434.610
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15a	273.732.974.664	302.308.360.620
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	9.553.320.352	20.430.320.352
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.724.725.434.524	1.983.515.890.474
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.14b	125.307.948.000	125.307.948.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15b	1.599.417.486.524	1.858.207.942.474
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nặm Cươm, Xã Nặm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.175.813.794.415	1.981.590.062.446
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	2.175.813.794.415	1.981.590.062.446
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.700.575.930.000	1.700.575.930.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.700.575.930.000	1.700.575.930.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		475.237.864.415	281.014.132.446
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		281.014.132.446	204.021.336.510
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		194.223.731.969	76.992.795.936
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4.247.068.814.775	4.376.536.398.281

Người lập biểu



Trần Thu Trà

Kế toán trưởng



Nguyễn Dũng Hoàng



Trần Huyền Trang

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Năm Cơm, Xã Năm Bùng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Quý IV - 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Năm trước	L.ý kế từ đầu năm đến cuối quý này		Đơn vị tính: VND
			Năm nay	Quý IV		Năm nay	Năm trước	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V1.1	168.793.404,986	-	153.550.514,333	734.110.258,096	655.479.232,628	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-	-	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		168.793.404,986	-	153.550.514,333	734.110.258,096	655.479.232,628	
4. Giá vốn hàng bán	11	V1.2	80.210.209,110	-	74.272.625,378	310.602.728,909	287.644.373,035	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		88.583.195,876	-	79.277.888,955	423.507.529,187	367.834.859,593	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V1.3	232.747,958	-	108.559,979	259.596,056	172.486,239	
7. Chi phí tài chính	22	V1.4	35.178.461,323	-	56.798.953,511	146.104.599,230	223.085.525,165	
Trong đó: chi phí lãi vay	23		35.178.461,323	-	48.928.345,701	146.104.599,230	211.481.339,563	
8. Chi phí bán hàng	25		-	-	-	-	-	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	V1.5	8.245.189,692	-	7.768.025,528	25.746.263,563	20.025.613,615	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		45.392.292,819	-	14.819.468,995	251.916.262,450	124.896.207,052	
11. Thu nhập khác	31		6.020,001	-	762,950	30.261,605	660.377,811	
12. Chi phí khác	32	V1.6	2.565.260,684	-	4.935.358,678	6.545.690,360	12.444.414,330	
13. Lợi nhuận khác	40		(2.559.240,683)	-	(4.934.595,728)	(6.515.428,755)	(11.784.036,519)	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		42.833.052,136	-	9.884.873,267	245.400.833,695	113.112.170,533	
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		5.587.462,862	-	2.620.454,229	16.616.693,089	11.651.735,731	
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-	-	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		37.245.589,274	-	7.264.419,038	228.784.140,606	101.460.434,802	
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V1.7	173,24	(3,62)	-	1.142,11	452,75	

Người lập biểu

Trần Thu Trà

Kế toán trưởng

Nguyễn Dũng Hoàng



Trần Huyền Trang

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý IV - 2024

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		245.400.833.695	113.112.170.533
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		216.927.734.053	205.742.815.269
- Các khoản dự phòng	03		-	7.870.607.810
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(259.596.056)	(172.486.239)
- Chi phí lãi vay	06		146.104.599.230	211.481.339.563
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		608.173.570.922	538.034.446.936
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(52.283.995.878)	(9.153.702.571)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(54.265.329.215)	(304.202.629.036)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(132.206.788)	1.419.257.564
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(151.790.268.420)	(206.076.327.943)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(16.674.576.890)	(14.822.505.336)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(10.877.000.000)	(3.586.416.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		322.150.193.731	1.612.123.614
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(11.214.839.091)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	200.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		259.596.056	172.486.239
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(10.955.243.035)	372.486.239

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		51.704.068.712	322.676.583.058
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(339.069.910.618)	(403.286.557.639)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(287.365.841.906)	(80.609.974.581)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		23.829.108.790	(78.625.364.728)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	3.907.257.691	82.532.622.419
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	27.736.366.481	3.907.257.691

Người lập biểu



Trần Thu Trà

Kế toán trưởng



Nguyễn Dũng Hoàng



Trần Huyền Trang

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, xây dựng, lắp đặt và thương mại
3. **Ngành nghề kinh doanh chính** :
 - Xây dựng, sản xuất, vận hành công trình điện năng;
 - Kinh doanh điện năng;
 - Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, bưu chính- viễn thông, thủy lợi, thủy điện, các công trình năng lượng điện gió, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu cống, các công trình đô thị và khu công nghiệp, trang trí nội thất;
 - Xây dựng lắp đặt các công trình, đường dây và trạm biến áp đến 110KV, trạm biến thế 35KV;
 - Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí (không bao gồm kinh doanh quán bar, vũ trường, phòng hát karaoke);
 - Sản xuất và mua bán máy móc, vật tư thiết bị phục vụ ngành xây dựng;
 - Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng, khai thác đá;
 - Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
 - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh./.

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Đơn vị trực thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Phát triển Trường Thành tại Ninh Thuận	Lô 03, Dãy N2, Đường 16/4, Phường Mỹ Hải, TP. Phan Rang, Tháp Chàm, Ninh Thuận.
	Mã số chi nhánh: 0102899812-003

5. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng
6. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính tổng hợp:** Không có.
7. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC:** Số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp năm trước.
8. **Nhân viên**
Tại ngày kết thúc năm tài chính Doanh nghiệp có 137 nhân viên đang làm việc (số nhân viên làm việc ngày 1/1/2024 là 132 nhân viên)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cờm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Doanh nghiệp được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính tổng hợp của các đơn vị trực thuộc. Trong Báo cáo tài chính tổng hợp các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ..

2. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Vân Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Doanh nghiệp nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cúm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa công ty và người mua là đơn vị độc lập với công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cươm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	20 – 50
Máy móc và thiết bị	05 - 25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	05 - 07
Tài sản cố định khác	20 - 25

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Doanh nghiệp bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất thuộc tờ bản đồ số 105/2009/BĐĐC tại địa chỉ thôn Nậm Cươm, xã Nậm Búng, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất được cấp ngày 18 tháng 5 năm 2009. Thời hạn sử dụng là lâu dài nên không trích khấu hao.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Doanh nghiệp) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Doanh nghiệp bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa lớn

Chi phí sửa chữa được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;

- Khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán thành phẩm

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành được hưởng ưu đãi thuế với các nội dung cụ thể như sau:

- + Các dự án Thủy điện Ngòi Hút 2A, thủy điện Pá Hu, Dự án Điện mặt trời Hồ Bàu Ngự, Dự án Điện mặt trời Hồ Núi 1 là dự án đầu tư mới được áp dụng thuế suất ưu đãi 10% trong 15 năm. Miễn 100% thuế TNDN trong 4 năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế, giảm 50% trong 9 năm tiếp theo.
- + Dự án Thủy điện Ngòi Hút 2 là dự án đầu tư mở rộng, theo đó dự án áp dụng thuế suất thuế phổ thông, miễn 100% thuế TNDN trong 4 năm đầu tiên, giảm 50% trong 9 năm tiếp theo.
- + Hoạt động khác chịu thuế suất 20%.

19. Công cụ tài chính

i. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

ii. Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

iii. Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.170.206.060	1.078.986.887
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	26.566.160.421	2.828.270.804
Cộng	<u>27.736.366.481</u>	<u>3.907.257.691</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty điện lực Miền Bắc	33.017.304.923	29.800.153.781
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn điện lực Việt Nam	77.110.152.593	57.228.725.563
Cộng	<u>110.127.457.516</u>	<u>87.028.879.344</u>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>10.370.919.586</i>	<i>8.360.501.880</i>
GE Power Conversion India Private Limited	-	2.358.839.880
Công ty CP TV Đầu tư Xây dựng Bắc Á Hà Nội	2.000.000.000	2.000.000.000
Viện năng lượng	750.000.000	2.543.880.000
Công ty TNHH TM & KT TD Astech	2.051.840.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn và Thiết bị năng lượng	1.316.500.000	493.000.000
Công ty TNHH TM & TV Kỹ thuật Sông Mã	1.050.711.000	-
Công ty TNHH XD PCCC Thuận Tiến	2.301.674.400	-
Các nhà cung cấp khác	900.194.186	964.782.000
Cộng	<u>10.370.919.586</u>	<u>8.360.501.880</u>

4. Phải thu khác ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>120.142.500.000</i>	<i>-</i>	<i>92.117.500.000</i>	<i>-</i>
Bà Nguyễn Thị Ngọc (*)	96.642.500.000	-	64.617.500.000	-
Công ty TNHH Xây dựng Trường Thành	23.500.000.000	-	27.500.000.000	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>3.978.283.214</i>	<i>-</i>	<i>4.828.283.214</i>	<i>-</i>
Tạm ứng	-	-	850.000.000	-
Thuế GTGT đầu vào chưa kê khai	3.978.283.214	-	3.978.283.214	-
Phải thu khác	-	-	-	-
Cộng	<u>124.120.783.214</u>	<u>-</u>	<u>96.945.783.214</u>	<u>-</u>

(*) Là khoản tạm chi trả nợ vay Ông Trần Huy Đức theo Biên bản số 10.05/2023/BB-HĐQT ngày 10 tháng 5 năm 2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cờm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

5. Chi phí trả trước

a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí bảo hiểm	430.484.914	256.437.277
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	49.272.724
Cộng	<u>430.484.914</u>	<u>305.710.001</u>

b) Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	84.082.520	76.650.645
Cộng	<u>84.082.520</u>	<u>76.650.645</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BAO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	2.831.849.918.636	2.042.328.134.330	25.886.557.135	469.079.450	155.144.020.827	5.055.677.710.378
Mua trong năm	-	-	2.162.549.091	-	-	2.162.549.091
Số cuối kỳ	2.831.849.918.636	2.042.328.134.330	28.049.106.226	469.079.450	155.144.020.827	5.057.840.259.469
<i>Trong đó:</i>						
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	377.293.905	2.928.116.408	469.079.450	-	3.774.489.763
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	513.340.598.100	448.501.927.005	16.247.680.576	449.744.450	42.737.458.308	1.021.277.408.439
Khấu hao trong kỳ	92.893.584.856	103.011.013.375	2.403.494.582	19.335.000	6.929.375.094	205.256.802.907
Khấu hao đầu nội Năm Tăng 3	-	2.379.908.465	-	-	9.291.022.681	11.670.931.146
Số cuối kỳ	606.234.182.956	553.892.848.845	18.651.175.158	469.079.450	58.957.856.083	1.238.205.142.492
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	2.318.509.320.536	1.593.826.207.325	9.638.876.559	19.335.000	112.406.562.519	4.034.400.301.939
Số cuối kỳ	2.225.615.735.680	1.488.435.285.485	9.397.931.068	-	96.186.164.744	3.819.635.116.977

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 5.029.322.073.793 VND và 3.810.237.185.909 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Sơn La; Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Lạng Sơn; Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh ngân hàng phát triển Yên Bái; Ngân hàng TMCP đầu tư & phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái.

7. Tài sản cố định vô hình

Là giá trị Quyền sử dụng đất thuộc tờ bản đồ số 105/2009/BĐDC tại địa chỉ thôn Nậm Cườm, xã Nậm Búng, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất được cấp ngày 18 tháng 5 năm 2009. Giá trị quyền sử dụng đất này đang được sử dụng để thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP đầu tư & phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cờm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	<i>55.118.977.597</i>	<i>46.066.687.597</i>
Dự án Điện gió Tại Ninh Thuận	1.520.909.091	1.520.909.091
Thủy điện Nậm Búng	374.074.074	374.074.074
Thủy điện Nậm Cang 1A	687.336.442	687.336.442
Thủy điện tích năng Phước Hòa	48.511.183.794	42.802.663.794
Dự án Khu đô thị Dịch vụ Sinh thái phía Nam Sông Dinh	1.520.909.091	681.704.196
Tài sản khác	3.343.770.000	
Cộng	<u>55.118.977.597</u>	<u>46.066.687.597</u>

9. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Là khoản Đầu tư vào Công ty Cổ phần Phong điện Phương Mai theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh 4100440107 thay đổi lần 07 ngày 16 tháng 04 năm 2020.

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Công ty Cổ phần Phong điện Phương Mai	115.500.000.000	(17.203.100.930)	115.500.000.000	(17.203.100.930)
Cộng	<u>115.500.000.000</u>	<u>(17.203.100.930)</u>	<u>115.500.000.000</u>	<u>(17.203.100.930)</u>

10. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
Trái phiếu	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	<u>1.000.000.000</u>	<u>1.000.000.000</u>	<u>1.000.000.000</u>	<u>1.000.000.000</u>

11. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>3.372.041.471</i>	<i>5.826.473.835</i>
Viện công nghệ năng lượng	-	2.160.000.000
Công ty lưới điện Cao thế Miền Bắc	1.264.224.798	1.264.224.798
Công ty Cổ phần Công nghiệp Đại Dương	1.012.768.574	1.012.768.574
Công ty TNHH Grid Solutions Việt Nam	-	264.011.843
Các nhà cung cấp khác	1.095.048.099	1.125.468.620
Cộng	<u>3.372.041.471</u>	<u>5.826.473.835</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	8.688.714.809	-	54.580.579.383	(60.394.177.838)	2.875.116.354	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.651.735.731	-	16.616.693.089	(16.674.576.890)	11.593.851.930	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.771.836.992	-	2.513.617.691	(4.100.041.030)	185.413.653	-
Thuế tài nguyên	1.000.237.124	-	29.122.316.934	(28.895.533.140)	1.227.020.918	-
Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	(4.000.000)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	4.290.340.141	-	12.153.302.747	(14.014.145.988)	2.429.496.900	-
Cộng	27.402.864.797	-	114.990.509.844	(124.082.474.886)	18.310.899.755	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cướm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành được hưởng ưu đãi thuế với các nội dung cụ thể như sau:

- + Các dự án Thủy điện Ngòi Hút 2A, thủy điện Pá Hu, Dự án Điện mặt trời Hồ Bàu Ngự, Dự án Điện mặt trời Hồ Núi 1 là dự án đầu tư mới được áp dụng thuế suất ưu đãi 10% trong 15 năm. Miễn 100% thuế TNDN trong 4 năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế, giảm 50% trong 9 năm tiếp theo.
- + Dự án Thủy điện Ngòi Hút 2 là dự án đầu tư mở rộng, theo đó dự án áp dụng thuế suất thuế phổ thông, miễn 100% thuế TNDN trong 4 năm đầu tiên, giảm 50% trong 9 năm tiếp theo.
- + Hoạt động khác chịu thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	1.488.078.748	7.173.747.938
Chi phí gia hạn LC	-	3.562.842.884
Chi phí phải trả khác	-	125.292.000
Cộng	<u>1.488.078.748</u>	<u>10.861.882.822</u>

14. Phải trả khác

a) Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	-	336.000.000
Thù lao HĐQT	-	336.000.000
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	34.560.408.637	38.971.434.610
Kinh phí công đoàn	-	73.360.120
Bảo hiểm xã hội	-	217.676.657
Bảo hiểm y tế	-	38.194.219
Bảo hiểm thất nghiệp	-	17.069.719
Phân chia lợi nhuận Hợp tác kinh doanh	34.560.408.637	38.625.133.895
Cộng	<u>34.560.408.637</u>	<u>39.307.434.610</u>

b) Phải trả dài hạn khác

Là khoản phải trả Hợp tác kinh doanh Dự án Thủy điện Ngòi hút 2; Dự án Thủy điện Ngòi hút 2A; Dự án Nhà máy điện Mặt trời Hồ Bàu Ngự

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	4.500.000.000	4.500.000.000
Ông Nguyễn Duy Viễn (1)	4.500.000.000	4.500.000.000
<i>Phải trả Hợp tác kinh doanh</i>	120.807.948.000	120.807.948.000
Ông Cao Đăng Kiều (2)	97.141.760.000	97.141.760.000
Ông Trâu Kiến Hoa (3)	5.555.388.000	5.555.388.000
Ông Daniel Triệu (4)	11.110.800.000	11.110.800.000
Ông Tô Thanh Hà (5)	4.000.000.000	4.000.000.000
Ông Phạm Mạnh Thắng (6)	3.000.000.000	3.000.000.000
Cộng	<u>125.307.948.000</u>	<u>125.307.948.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

(1) Là khoản phải trả Ông Nguyễn Duy Viễn theo Hợp đồng Hợp tác đầu tư. Cụ thể
+ Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 05/2020/TTA-HTĐTNH2A ngày 04/03/2020. Theo đó ông Nguyễn Duy Viễn góp 4.500.000.000 đồng vào Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2A. Ông Nguyễn Duy Viễn sẽ được hưởng 5,35% lợi nhuận sau thuế của Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2A.

(2) Là khoản phải trả Ông Cao Đăng Kiều theo Hợp đồng Hợp tác đầu tư. Cụ thể
+ Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 07/2020/TTA-HTĐTNH2 ngày 04/03/2020. Theo đó Ông Cao Đăng Kiều góp 77.386.200.000 đồng vào Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2. Ông Cao Đăng Kiều sẽ được hưởng 20,44% lợi nhuận sau thuế của Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2
+ Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 06/2020/TTA-HTĐTNH2A ngày 04/03/2020. Theo đó Ông Cao Đăng Kiều góp 19.755.560.000 đồng vào Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2A. Ông Cao Đăng Kiều sẽ được hưởng 23,49% lợi nhuận sau thuế của Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2A.

(3) Là khoản phải trả Ông Trâu Kiến Hoa theo Hợp đồng Hợp tác đầu tư. Cụ thể
+ Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 01/2020/TTA-HTĐTNH2 ngày 04/03/2020. Theo đó Ông Trâu Kiến Hoa góp 4.890.800.000 đồng vào Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2. Ông Trâu Kiến Hoa sẽ được hưởng 1,28% lợi nhuận sau thuế của Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2
+ Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 02/2020/TTA-HTĐTNH2A ngày 04/03/2020. Theo đó Ông Trâu Kiến Hoa góp 664.588.000 đồng vào Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2A. Ông Trâu Kiến Hoa sẽ được hưởng 0,79% lợi nhuận sau thuế của Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2A.

(4) Là khoản phải trả Ông Daniel Triệu theo Hợp đồng Hợp tác đầu tư. Cụ thể
+ Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 04/2020/TTA-HTĐTNH2 ngày 04/03/2020. Theo đó Ông Daniel Triệu góp 9.781.600.000 đồng vào Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2. Ông Daniel Triệu sẽ được hưởng 2,59% lợi nhuận sau thuế của Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2
+ Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 03/2020/TTA-HTĐTNH2A ngày 04/03/2020. Theo đó Ông Daniel Triệu góp 1.329.200.000 đồng vào Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2A. Ông Daniel Triệu sẽ được hưởng 1,58 % lợi nhuận sau thuế của Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2A.

(5) Là khoản phải trả Ông Tô Thanh Hà theo Hợp đồng Hợp tác đầu tư. Cụ thể
Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 08/2020/TTA-HTĐTNH2 ngày 02/04/2020. Theo đó Ông Tô Thanh Hà góp 4.000.000.000 đồng vào Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2. Ông Tô Thanh Hà sẽ được hưởng 0,91 % lợi nhuận sau thuế của Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2.

(6) Là khoản phải trả Ông Phạm Mạnh Thắng theo Hợp đồng Hợp tác đầu tư. Cụ thể,
Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 2007/2020/TTA-HTĐTNH ngày 20/07/2020. Theo đó Ông Phạm Mạnh Thắng góp 3.000.000.000 đồng vào Dự án Nhà máy Điện Mặt trời Hồ Bầu Ngừ. Ông Phạm Mạnh Thắng sẽ nhận được 0,51% lợi nhuận sau thuế của Dự án Nhà máy điện Mặt trời Hồ Bầu Ngừ.

15. Vay và nợ thuế tài chính

a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn thành viên Ban lãnh đạo	-	-	15.000.000.000	15.000.000.000
Vay ngắn hạn thành viên Ban lãnh đạo	-	-	15.000.000.000	15.000.000.000
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	15.092.974.664	15.092.974.664	30.918.360.620	30.918.360.620
Vay ngắn hạn ngân hàng	15.092.974.664	15.092.974.664	30.918.360.620	30.918.360.620
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Yên Bái (1)	15.092.974.664	15.092.974.664	30.918.360.620	30.918.360.620

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Vay dài hạn đến hạn trả ngân hàng	258.640.000.000	258.640.000.000	256.390.000.000	256.390.000.000
Vay hợp vốn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Sơn La và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Lạng Sơn- Dự án Ngòi hút 2A (2)	23.640.000.000	23.640.000.000	26.390.000.000	26.390.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Sơn La và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Lạng Sơn (3)	52.000.000.000	52.000.000.000	47.000.000.000	47.000.000.000
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái -hợp đồng tín dụng số 01/2018/2548422/HĐTD ngày 6/8/2018 (4)	100.000.000.000	100.000.000.000	95.000.000.000	95.000.000.000
Ngân hàng đầu tư & phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái -hợp đồng tín dụng số 01/2020/2548422/HĐTD ngày 17/6/2020 (5)	53.000.000.000	53.000.000.000	58.000.000.000	58.000.000.000
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam - hợp đồng tín dụng số 01/2021/2548422/HĐTD ngày 02/11/2021 (6)	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000
Cộng	273.732.974.664	273.732.974.664	302.308.360.620	302.308.360.620

(1) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Yên Bái theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2023/2548422/HĐTD ngày 05/07/2023, hạn mức 31.000.000.000 VND bao gồm toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn, mở L/C chuyển tiếp từ hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/2548422/HĐTD ngày 22/06/2022. Mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở L/C, thời gian cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

Tài sản đảm bảo là:

+ Nhà máy thủy điện và trạm OPY theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2023/2548422/HĐBĐ ngày 11/10/2023. Giá trị của tài sản là 11.146.000.000 VND.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc Dự án Nhà máy Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2 theo Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 02/2023/2548422/HĐBĐ ngày 30/11/2023. Giá trị của Tài sản là 33.140.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cúm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn như sau :

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
<i>Vay ngắn hạn thành viên Ban lãnh đạo</i>	15.000.000.000	-	-	(15.000.000.000)	-
Vay ngắn hạn thành viên Ban lãnh đạo	15.000.000.000	-	-	(15.000.000.000)	-
<i>Vay ngắn hạn các tổ chức khác</i>	30.918.360.620	51.704.068.712	-	(67.529.454.668)	15.092.974.664
Vay ngắn hạn ngân hàng	30.918.360.620	51.704.068.712	-	(67.529.454.668)	15.092.974.664
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Yên Bái (1)</i>	30.918.360.620	51.704.068.712	-	(67.529.454.668)	15.092.974.664
<i>Vay dài hạn đến hạn trả ngân hàng</i>	256.390.000.000	-	258.790.455.950	(256.540.455.950)	258.640.000.000
Vay hợp vốn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Sơn La và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Lạng Sơn- Dự án Thủy điện Ngòi hút 2A (2)	26.390.000.000	-	23.639.999.998	(26.389.999.998)	23.640.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Sơn La và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Lạng Sơn (3)	47.000.000.000	-	52.000.000.000	(47.000.000.000)	52.000.000.000
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái -hợp đồng tín dụng số 01/2018/2548422/HĐTD ngày 6/8/2018 (7)	95.000.000.000	-	100.000.000.000	(95.000.000.000)	100.000.000.000
Ngân hàng đầu tư & phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái -hợp đồng tín dụng số 01/2020/2548422/HĐTD ngày 17/6/2020 (9)	58.000.000.000	-	53.250.000.000	(58.250.000.000)	53.000.000.000
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam -hợp đồng tín dụng số 01/2021/2548422/HĐTD ngày 02/11/2021 (9)	30.000.000.000	-	29.900.455.952	(29.900.455.952)	30.000.000.000
Cộng	302.308.360.620	51.704.068.712	258.790.455.950	(339.069.910.618)	273.732.974.664

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay dài hạn thành viên Ban lãnh đạo</i>	139.250.977.715	139.250.977.715	139.250.977.715	139.250.977.715
Vay dài hạn thành viên Ban lãnh đạo	139.250.977.715	139.250.977.715	139.250.977.715	139.250.977.715
<i>Vay dài hạn ngân hàng</i>	1.460.166.508.809	1.460.166.508.809	1.718.956.964.759	1.718.956.964.759
Vay hợp vốn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Sơn La và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Lạng Sơn- Dự án Ngòi hút 2A (2)	47.536.951.023	47.536.951.023	71.176.951.021	71.176.951.021
Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Sơn La và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Lạng Sơn (3)	425.600.000.000	425.600.000.000	477.600.000.000	477.600.000.000
Ngân hàng đầu tư & phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái -hợp đồng tín dụng số 01/2018/2548422/HĐTD ngày 6/8/2018 (4)	412.999.986.619	412.999.986.619	512.999.986.619	512.999.986.619
Ngân hàng đầu tư & phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái -hợp đồng tín dụng số 01/2020/2548422/HĐTD ngày 17/6/2020 ⁽⁵⁾	456.526.571.167	456.526.571.167	509.776.571.167	509.776.571.167
Ngân hàng đầu tư & phát triển Việt Nam - hợp đồng tín dụng số 01/2021/2548422/HĐTD ngày 02/11/2021 ⁽⁶⁾	117.503.000.000	117.503.000.000	147.403.455.952	147.403.455.952
Cộng	1.599.417.486.524	1.599.417.486.524	1.858.207.942.474	1.858.207.942.474

(2) Là khoản Vay hợp vốn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Sơn La và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Lạng Sơn theo hợp đồng tín dụng số 99-2015/HĐTD/SL-LA/NH2A ngày 15/6/2015, hạn mức cho vay là 134.000.000.000 VND, mục đích đầu tư dự án thủy điện Ngòi Hút 2A, thời gian vay là 144 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, tài sản đảm bảo là quyền đối với vốn góp của các cổ đông của công ty căn cứ hợp đồng thế chấp số 01-2015 ngày 20/6/2015, giá trị tạm tính của tài sản đảm bảo này là 409.735.000.000 VND, hợp đồng bổ sung thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 02-2016/HĐSDBS ngày 01/9/2016, giá trị tài sản hình thành tạm tính là 256.165.000.000 VND. Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01-2016/HĐTD/SL-LA/NH2A ngày 01/9/2016, thay đổi hạn mức vay là 179.000.000.000 VND và phụ lục Kế hoạch trả nợ theo đó khoản vay được tắt toán ngày 30/9/2027.

(3) Là khoản Vay hợp vốn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Sơn La và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Lạng Sơn theo hợp đồng tín dụng số 02-2017/HĐTD/SL-LA ngày 10/10/2017, hạn mức vay 607.000.000.000 VND, mục đích đầu tư dự án thủy điện Pá Hu, thời gian vay là 14 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, tài sản đảm bảo là toàn bộ giá trị công trình dự án.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

(4) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN Yên Bái theo hợp đồng tín dụng số 01/2018/2548422/HĐTD ngày 6/8/2018 nhằm mục đích đầu tư Dự án nhà máy điện mặt trời hồ Bàu Ngự do bên vay làm chủ đầu tư, tổng vốn đầu tư được phê duyệt là 1.426.050.000.000 VNĐ, tổng số tiền gốc tối đa 914.000.000.000 VNĐ nhưng không vượt quá 70% tổng mức đầu tư dự án, thời hạn vay là 132 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, Tài sản đảm bảo là:

+ Quyền sử dụng đất của 8 thửa đất với diện tích 736.695,5m² tại xã Phước Hải, huyện Ninh Phước; xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam; xã Phước Nam, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 846941 do sở tài nguyên và môi trường tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 13/09/2021 và Công trình Nhà máy điện mặt trời hồ Bàu Ngự gắn liền với khu đất theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 021/2021/2548422 ngày 30/12/2021. Giá trị của tài sản đảm bảo là 145.703.000.000 VNĐ.

+ Máy móc, thiết bị của Dự án nhà máy điện mặt trời hồ Bàu Ngự theo Hợp đồng bổ sung tài sản thế chấp đối số 01/2021/2548422/HĐSĐBS. Giá trị của tài sản thế chấp là 1.126.427.000.000 VNĐ.

+ Nhà máy thủy điện và trạm OPY theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2023/2548422/HĐBD ngày 11/10/2023. Giá trị tài sản đảm bảo cho Hợp đồng là 28.944.000.000 VNĐ.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc Dự án Nhà máy Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2 theo Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 02/2023/2548422/HĐBD ngày 30/11/2023. Giá trị của Tài sản là 86.056.000.000 VNĐ.

(5) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN Yên Bái theo hợp đồng tín dụng số 01/2020/2548422/HĐTD ngày 17/6/2020 nhằm mục đích đầu tư Trang trại điện mặt trời Hồ Núi Một 1 do bên vay làm chủ đầu tư, tổng vốn đầu tư được phê duyệt là 1.036.000.000.000 VNĐ, tổng số tiền gốc tối đa 648.000.000.000 VNĐ nhưng không vượt quá 69% tổng mức đầu tư dự án, thời hạn vay là 156 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Tài sản đảm bảo là:

+ Quyền sử dụng đất của 02 thửa đất với tổng diện tích 488.562,5m² tại xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH 913386, số vào sổ cấp GCN: CT 05839 do sở tài nguyên và môi trường tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 19/05/2023 và Công trình Nhà máy điện mặt trời hồ Núi Một 1 gắn liền với khu đất. Giá trị của tài sản thế chấp là 294.444.000.000 VNĐ theo Hợp đồng thế chấp Bất động sản Dự án Trang trại điện mặt trời hồ Núi Một 1 số 02/2020/254422/HĐTC ngày 21/10/2020 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2023/254422/HĐSĐBS.

+ Nhà máy thủy điện và trạm OPY theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2023/2548422/HĐBD ngày 11/10/2023. Giá trị của tài sản đảm bảo cho hợp đồng là 50.337.000.000 VNĐ.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc Dự án Nhà máy Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2 theo Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 02/2023/2548422/HĐBD ngày 30/11/2023. Giá trị của Tài sản là 149.663.000.000 VNĐ.

(6) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN Yên Bái theo hợp đồng tín dụng số 01/2021/2548422/HĐTD ngày 02/11/2021 nhằm mục đích cho vay vốn tự có hình thành nên tài sản là Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2 do bên vay làm chủ đầu tư, tổng vốn đầu tư được phê duyệt là 200.503.000.000 VNĐ, thời hạn vay là 96 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Tài sản đảm bảo là:

+ Nhà máy thủy điện và trạm OPY theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2023/2548422/HĐBD ngày 11/10/2023. Giá trị của tài sản đảm bảo cho Hợp đồng là 85.514.840.000 VNĐ.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc Dự án Nhà máy Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2 theo Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 02/2023/2548422/HĐBD ngày 30/11/2023. Giá trị của Tài sản là 254.257.520.000 VNĐ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Bùng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Số cuối kỳ
<i>Vay dài hạn thành viên Ban lãnh đạo</i>	139.250.977.715	-	-	-	139.250.977.715
Vay dài hạn thành viên Ban lãnh đạo	139.250.977.715	-	-	-	139.250.977.715
<i>Vay dài hạn ngân hàng</i>	1.718.956.964.759	-	-	(258.790.455.950)	1.460.166.508.809
Vay hợp vốn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Sơn La và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Lạng Sơn- Dự án Ngòi hút 2A (2)	71.176.951.021	-	-	(23.639.999.998)	47.536.951.023
Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Sơn La và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Lạng Sơn (3)	477.600.000.000	-	-	(52.000.000.000)	425.600.000.000
Ngân hàng đầu tư & phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái -hợp đồng tín dụng số 01/2018/2548422/HĐTD ngày 6/8/2018 (4)	512.999.986.619	-	-	(100.000.000.000)	412.999.986.619
Ngân hàng đầu tư & phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái -hợp đồng tín dụng số 01/2020/2548422/HĐTD ngày 17/6/2020 (5)	509.776.571.167	-	-	(53.250.000.000)	456.526.571.167
Ngân hàng đầu tư & phát triển Việt Nam -hợp đồng tín dụng số 01/2021/2548422/HĐTD ngày 02/11/2021 (6)	147.403.455.952	-	-	(29.900.455.952)	117.503.000.000
Cộng	1.858.207.942.474	-	-	(258.790.455.950)	1.599.417.486.524

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Tăng do trích			
	Số đầu năm	lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	6.924.306.076	-	(5.190.000.000)	1.734.306.076
Quỹ phúc lợi	11.506.014.276	-	(3.687.000.000)	7.819.014.276
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	2.000.000.000	-	(2.000.000.000)	-
Cộng	20.430.320.352	-	(10.877.000.000)	9.553.320.352

17. Vốn chủ sở hữu*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn góp của chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	1.574.629.370.000	340.766.201.532	1.915.395.571.532
Tăng vốn	125.946.560.000	(125.946.560.000)	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	101.460.434.802	101.460.434.802
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(9.798.305.022)	(9.798.305.022)
Trích lập quỹ khen thưởng ban điều hành(*)	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Phân chia lợi nhuận Hợp tác kinh doanh	-	(24.467.638.866)	(24.467.638.866)
Số dư cuối năm trước	1.700.575.930.000	281.014.132.446	1.981.590.062.446
Số dư đầu năm nay	1.700.575.930.000	281.014.132.446	1.981.590.062.446
Lợi nhuận trong kỳ này	-	228.784.140.606	228.784.140.606
Phân chia lợi nhuận Hợp tác kinh doanh	-	(34.560.408.637)	(34.560.408.637)
Số dư cuối kỳ này	1.700.575.930.000	475.237.864.415	2.175.813.794.415

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu tại ngày 30 tháng 6 năm 2024:

	Số cuối kỳ	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
Ông Trần Huy Đức	395.549.560.000	23,26%	395.549.560.000	23,26%
Ông Trần Huy Thiệu	85.800.650.000	5,05%	110.854.650.000	6,52%
Công ty TNHH Xây dựng Trường Thành	401.848.120.000	23,63%	401.848.120.000	23,63%
Bà Nguyễn Thị Ngọc	197.774.780.000	11,63%	197.774.780.000	11,63%
Các cổ đông khác	619.602.820.000	36,43%	594.548.820.000	34,96%
Cộng	1.700.575.930.000	100,00%	1.700.575.930.000	100,00%

c) Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	170.057.593	170.057.593
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	170.057.593	170.057.593
- Cổ phiếu phổ thông	170.057.593	170.057.593
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	170.057.593	170.057.593
- Cổ phiếu phổ thông	170.057.593	170.057.593
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

18. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**a) Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngoại tệ các loại		
Dollar Mỹ (USD)	40,61	67,01

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nợ khó đòi đã xử lý	2.019.870.488	2.019.870.488

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**1. Doanh thu****Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán điện	676.995.653.946	622.699.510.506
Doanh thu thuế, phí liên quan hoạt động bán điện	43.364.604.150	32.779.722.122
Doanh thu hoạt động đầu nối Nậm Tạng 3	13.750.000.000	
Cộng	<u>734.110.258.096</u>	<u>655.479.232.628</u>

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn điện	255.567.193.613	254.864.650.913
Giá vốn thuế, phí liên quan hoạt động bán điện	43.364.604.150	32.779.722.122
Giá vốn hoạt động đầu nối Nậm Tạng 3	11.670.931.146	
Cộng	<u>310.602.728.909</u>	<u>287.644.373.035</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	259.596.056	172.486.239
Cộng	<u>259.596.056</u>	<u>172.486.239</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**4. Chi phí tài chính**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	146.104.599.230	211.481.339.563
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	3.733.577.792
Dự phòng khoản đầu tư	-	7.870.607.810
Cộng	146.104.599.230	223.085.525.165

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	10.207.043.762	8.064.506.939
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.384.365.300	1.389.986.217
Thuế, phí và lệ phí	43.171.325	4.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	567.038.505	1.591.379.022
Các chi phí khác	13.544.644.671	8.975.741.437
Cộng	25.746.263.563	20.025.613.615

6. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Các khoản phạt vi phạm thuế	2.923.324.862	10.619.506.854
Các khoản chi ủng hộ	2.946.772.998	415.000.000
Chi phí khấu hao không được trừ	675.592.500	1.218.435.000
Chi phí khác	-	191.472.476
Cộng	6.545.690.360	12.444.414.330

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	228.784.140.606	101.460.434.802
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Chi trả lợi nhuận Hợp tác kinh doanh	(34.560.408.637)	(24.467.638.866)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	194.223.731.969	76.992.795.936
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	170.057.593	170.057.593
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.142,11	452,75

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	170.057.593	170.057.593
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành trong kỳ	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	170.057.593	170.057.593

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

A. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập thành viên Ban Lãnh đạo:

	Chức vụ	Kỳ này
Ban Lãnh đạo		
Bà Nguyễn Thị Ngọc	CT HĐQT kiêm người Đại diện pháp luật	915.936.000
Bà Trần Huyền Trang	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	436.224.000
Ông Nguyễn Văn Trường	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	462.000.000
Ông Nguyễn Duy Hưng	Tổng Giám đốc	545.046.000
Ông Nguyễn Thanh Hà	Phó Tổng Giám đốc	436.224.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ của các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.14 và V.15.

B. Giao dịch với bên liên quan khác:

Bên liên quan

Công ty TNHH Xây dựng Trường Thành

Mối quan hệ

+ Giám đốc công ty TNHH Xây dựng Trường Thành là thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành

+ Giám đốc công ty TNHH Xây dựng Trường Thành là cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành

+ Công ty TNHH Xây dựng Trường Thành là cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành

Công ty TNHH đầu tư xây lắp Trường Thành

+ Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành là thành viên góp vốn của công ty TNHH Đầu tư xây lắp Trường Thành

Công ty Cổ phần Phong điện Phương Mai

+ Công ty cổ phần Phong điện Phương mai là công ty liên kết

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan được trình bày tại TM V3, V4.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh chính trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Xây dựng Trường Thành		
Phải thu theo hợp đồng chia sẻ vốn đầu tư xây dựng	14.850.000.000	-
Thu tiền theo hợp đồng chia sẻ vốn đầu tư xây dựng	14.850.000.000	
Hoàn tiền tạm ứng dự án thủy điện Suối Sập (*)	4.000.000.000	13.000.000.000

(*) Theo nghị quyết Hội đồng quản trị số 23.05/2023/TTA/NQ-HĐQT ngày 23 tháng 05 năm 2023 thông qua dừng và hủy bỏ việc chuyển nhượng Công trình Thủy điện Suối Sập 2 tại xã Suối Tọ, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La từ Công ty TNHH Xây dựng Trường Thành.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh V3.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính tổng hợp nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

Khu vực địa lý

Công ty có các khu vực kinh doanh chính sau:

- Khu vực Yên Bái
- Khu vực Ninh Thuận

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh sau:

- Kinh doanh điện, chuyển nhượng đường dây điện
- Lĩnh vực khác: Bán hàng hóa và cung ứng dịch vụ

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí khách hàng của Doanh nghiệp như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Bùng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Khu vực Yên Bái	Khu vực Ninh Thuận	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	386.193.025.394	347.917.232.702	-	734.110.258.096
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	386.193.025.394	347.917.232.702	-	734.110.258.096
Chi phí bộ phận	166.174.666.043	144.428.062.866		310.602.728.909
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	220.018.359.351	203.489.169.836		423.507.529.187
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(25.746.263.563)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				397.761.265.624
Doanh thu hoạt động tài chính				259.596.056
Chi phí tài chính				(146.104.599.230)
Thu nhập khác				30.261.605
Chi phí khác				(6.545.690.360)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(16.616.693.089)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.456.541.818	9.247.608.183		10.704.150.001
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	92.466.139.857	112.846.437.875		205.312.577.732

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty như sau:

Số cuối kỳ	Khu vực Yên Bái		Khu vực Ninh Thuận		Cộng
Tài sản trực tiếp của bộ phận	3.910.517.287.396	1.887.564.787.546	(1.551.013.260.167)	4.247.068.814.775	
Tài sản phân bổ cho bộ phận					
Tổng tài sản	3.910.517.287.396	1.887.564.787.546	(1.551.013.260.167)	4.247.068.814.775	
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	2.058.711.014.399	1.563.557.266.128	(1.551.013.260.167)	2.071.255.020.360	
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận					
Tổng nợ phải trả	2.058.711.014.399	1.563.557.266.128	(1.551.013.260.167)	2.071.255.020.360	

Lĩnh vực kinh doanh

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Lĩnh vực kinh doanh điện	734.110.258.096	655.479.232.628
Lĩnh vực khác		
Cộng	734.110.258.096	655.479.232.628

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cướm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

A, Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

B, Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền. (trình bày chính sách quản lý rủi ro thanh khoản)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	273.732.974.664	1.202.290.915.357	397.126.571.167	1.873.150.461.188
Phải trả người bán	3.372.041.471	-	-	3.372.041.471
Các khoản phải trả khác	41.560.349.594	125.307.948.000	-	166.868.297.594
Cộng	318.665.365.729	1.327.598.863.357	397.126.571.167	2.043.390.800.253
Số đầu năm				
Vay và nợ	302.308.360.620	1.224.526.966.818	633.680.975.656	2.160.516.303.094
Phải trả người bán	5.826.473.835	-	-	5.826.473.835
Các khoản phải trả khác	55.462.425.757	125.307.948.000	-	180.770.373.757
Cộng	363.597.260.212	1.349.834.914.818	633.680.975.656	2.347.113.150.686

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.736.366.481	3.907.257.691	27.736.366.481	3.907.257.691
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Phải thu khách hàng	110.127.457.516	87.028.879.344	110.127.457.516	87.028.879.344
Các khoản phải thu khác	124.120.783.214	96.945.783.214	124.120.783.214	96.945.783.214
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	99.296.899.070	98.296.899.070	99.296.899.070	98.296.899.070
Cộng	362.281.506.281	287.178.819.319	362.281.506.281	287.178.819.319
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	1.873.150.461.188	2.160.516.303.094	1.873.150.461.188	2.160.516.303.094
Phải trả người bán	3.372.041.471	5.826.473.835	3.372.041.471	5.826.473.835
Các khoản phải trả khác	166.868.297.594	180.770.373.757	166.868.297.594	180.770.373.757
Cộng	2.043.390.800.253	2.347.113.150.686	2.043.390.800.253	2.347.113.150.686

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cúm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính/kỳ kế toán. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.
- Giá trị hợp lý của các khoản cho vay, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác dài hạn, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và không có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

Lập ngày 24 tháng 01 năm 2025

Người lập biểu

Trần Thu Trà

Kế toán trưởng

Nguyễn Dũng Hoàng



Trần Huyền Trang

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN
TRƯỜNG THÀNH

Số: 30/TTA-CV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Yên Bái, ngày 24 tháng 01 năm 2025

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh

Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và phát triển Trường Thành xin được giải trình về chênh lệch lợi nhuận sau thuế trong Báo cáo tài chính tổng hợp Quý IV năm 2024 như sau:

Chênh lệch sau thuế của kỳ này so với cùng kỳ năm trước như sau:

Đơn vị tính giá trị: đồng

Chỉ tiêu	Quý IV/2024	Quý IV/2023	Chênh lệch tăng/giảm (+/-)	
			Giá trị	% tăng
Lợi nhuận sau thuế	37.245.589.274	7.264.419.038	29.981.170.236	412,71%

Lợi nhuận Quý IV/2024 tăng 29,9 tỷ tương ứng tăng 412,71% so với cùng kỳ (lũy kế cả năm 2024 đạt 235,7 tỷ ước đạt 147% kế hoạch lợi nhuận cả năm 2024 – LNST theo Báo cáo quý 4/2024 chưa tính đến kết quả hoạt động năm 2024 của Công ty liên kết do tại thời điểm lập BCTC này công ty Trường Thành chưa nhận được báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty liên kết). Theo các số liệu hiện có thì nguyên nhân biến động lợi nhuận tăng chủ yếu do các yếu tố sau:

- Tổng doanh thu quý 4/2024 tăng 15 tỷ so cùng kỳ do sự đóng góp của cả nhóm thủy điện sản lượng được cải thiện đáng kể so với năm 2023 (năm 2023 là năm chịu ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu), doanh thu của nhóm điện mặt trời cũng tăng do có sự hỗ trợ của tăng sản lượng và giá bán điện do tác động tăng của tỷ giá.
- Lãi vay giảm 13 tỷ so với cùng kỳ, lũy kế cả năm 65,3 tỷ do tiếp tục hưởng lợi từ đà giảm lãi suất của các ngân hàng đang tài trợ vốn cho các dự án của Công ty cùng với số dư nợ vay giảm dần góp phần cải thiện tình hình lợi nhuận.

Trên đây là giải trình của Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và phát triển Trường Thành báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh về chênh lệch lợi nhuận sau thuế Quý IV năm 2024 so với cùng kỳ năm trước.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT.

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
VÀ PHÁT TRIỂN
TRƯỜNG THÀNH
H. V. AN CH. AN - T. Y. EN B. AI

Trần Huyền Trang

**TRUONG THANH DEVELOPMENT AND
CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK
COMPANY**

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

Fourth quarter of 2024

TABLE OF CONTENTS

Content	Page
Table of Contents of General Financial Statements	<i>I</i>
<i>Consolidated balance sheet as of December 31, 2024</i>	<i>2-5</i>
<i>Report on general business results for the fourth quarter of 2024</i>	<i>6</i>
<i>Consolidated cash flow statement for the fourth quarter of 2024</i>	<i>7-8</i>
<i>Explanation of the Fourth Quarter of 2024 Consolidated Financial Statement</i>	<i>9-43</i>

TRUONG THANH DEVELOPMENT AND CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nam Cuom Village, Nam Bung Commune, Van Chan District, Yen Bai Province

MID-YEAR COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the accounting period ended December 31, 2024

COMBINED BALANCE SHEET

As at 31 December 2024

Unit: VND

ASSETS	Code	Note	Ending balance	Beginning balance
A - CURRENT ASSETS	100		272.786.011.711	196.548.132.130
I. Cash and cash equivalents	110	V.1	27.736.366.481	3.907.257.691
1. Cash	111		27.736.366.481	3.907.257.691
2. Cash equivalents	112		-	-
II. Short-term financial investments	120		-	-
1. Trading securities	121		-	-
2. Provisions for devaluation of trading securities	122		-	-
3. Held-to-maturity investments	123		-	-
III. Short-term receivables	130		244.619.160.316	192.335.164.438
1. Short-term trade receivables	131	V.2	110.127.457.516	87.028.879.344
2. Short-term prepayments to suppliers	132	V.3	10.370.919.586	8.360.501.880
3. Short-term inter-company receivables	133		-	-
4. Receivable according to the progress of construction	134		-	-
5. Receivables for short-term loans	135		-	-
6. Other short-term receivables	136	V.4	124.120.783.214	96.945.783.214
7. Allowance for short-term doubtful debts	137		-	-
8. Deficit assets for treatment	139		-	-
IV. Inventories	140		-	-
1. Inventories	141		-	-
2. Allowance for inventories	149		-	-
V. Other current assets	150		430.484.914	305.710.001
1. Short-term prepaid expenses	151	V.5a	430.484.914	305.710.001
2. Deductible VAT	152		-	-
3. Taxes and other receivables from the State	153		-	-
4. Trading Government bonds	154		-	-
5. Other current assets	155		-	-

For the accounting period ended December 31, 2024

Combined balance sheet (Cont.)

ASSETS	Code	Note	Ending balance	Beginning balance
B - NON-CURRENT ASSETS	200		3.974.282.803.064	4.179.988.266.151
I. Long-term receivables	210		-	-
1. Long-term trade receivables	211		-	-
2. Long-term prepayments to suppliers	212		-	-
3. Working capital in affiliates	213		-	-
4. Long-term inter-company receivable	214		-	-
5. Receivables for long-term loans	215		-	-
6. Other long-term receivables	216		-	-
7. Allowance for long-term doubtful debts	219		-	-
II. Fixed assets	220		3.819.782.843.877	4.034.548.028.839
1. Tangible fixed assets	221	V.6	3.819.635.116.977	4.034.400.301.939
<i>Historical cost</i>	222		5.057.840.259.469	5.055.677.710.378
<i>Accumulated depreciation</i>	223		(1.238.205.142.492)	(1.021.277.408.439)
2. Financial leased assets	224		-	-
<i>Historical cost</i>	225		-	-
<i>Accumulated depreciation</i>	226		-	-
3. Intangible fixed assets	227	V.7	147.726.900	147.726.900
<i>Historical cost</i>	228		147.726.900	147.726.900
<i>Accumulated depreciation</i>	229		-	-
III. Investment property	230		-	-
Historical cost	231		-	-
Accumulated depreciation	232		-	-
IV. Long-term assets in process	240	V.8	55.118.977.597	46.066.687.597
1. Long-term work in process	241		-	-
2. Construction-in-progress	242		55.118.977.597	46.066.687.597
V. Long-term financial investments	250		99.296.899.070	99.296.899.070
1. Investments in subsidiaries	251		-	-
2. Investments in joint ventures and associates	252	V.9	115.500.000.000	115.500.000.000
3. Investments in other entities	253		-	-
4. Provisions for devaluation of long-term financial in	254		(17.203.100.930)	(17.203.100.930)
5. Held-to-maturity investments	255	V.10	1.000.000.000	1.000.000.000
VI. Other non-current assets	260		84.082.520	76.650.645
1. Long-term prepaid expenses	261	V.5b	84.082.520	76.650.645
2. Deferred income tax assets	262		-	-
3. Long-term components and spare parts	263		-	-
4. Other non-current assets	268		-	-
TOTAL ASSETS	270		4.247.068.814.775	4.376.536.398.281

Combined balance sheet (Cont.)

LIABILITIES AND OWNER'S EQUITY	Code	Note	Ending balance	Beginning balance
C - LIABILITIES	300		2.071.255.020.360	2.394.946.335.835
I. Current liabilities	310		346.529.585.836	411.430.445.361
1. Short-term trade payables	311	V.11	3.372.041.471	5.826.473.835
2. Short-term advances from customers	312		-	-
3. Taxes and other obligations to the State Budget	313	V.12	18.310.899.755	27.402.864.797
4. Payables to employees	314		5.511.862.209	5.293.108.325
5. Short-term accrued expenses	315	V.13	1.488.078.748	10.861.882.822
6. Short-term inter-company payable	316		-	-
7. Payable according to the progress of construction cc	317		-	-
8. Short-term unearned revenue	318		-	-
9. Other short-term payables	319	V.14a	34.560.408.637	39.307.434.610
10. Short-term borrowings and financial leases	320	V.15a	273.732.974.664	302.308.360.620
11. Short-term provision	321		-	-
12. Reward and benefit fund	322	V.16	9.553.320.352	20.430.320.352
13. Price stabilization fund	323		-	-
14. Trading Government bonds	324		-	-
II. Long-term liabilities	330		1.724.725.434.524	1.983.515.890.474
1. Long-term trade payables	331		-	-
2. Long-term advances from customers	332		-	-
3. Long-term accrued expenses	333		-	-
4. Inter-company payables for working capital	334		-	-
5. Long-term inter-company payables	335		-	-
6. Long-term unearned revenue	336		-	-
7. Other long-term payables	337	V.14b	125.307.948.000	125.307.948.000
8. Long-term borrowings and financial leases	338	V.15b	1.599.417.486.524	1.858.207.942.474
9. Convertible bonds	339		-	-
10. Preferred shares	340		-	-
11. Deferred tax liability	341		-	-
12. Long-term provision	342		-	-
13. Science and technology development fund	343		-	-

For the accounting period ended December 31, 2024
Combined balance sheet (Cont.)

LIABILITIES AND OWNER'S EQUITY	Code	Note	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
D - OWNER'S EQUITY	400		2.175.813.794.415	1.981.590.062.446
I. Owner's equity	410	V.17	2.175.813.794.415	1.981.590.062.446
1. Capital	411		1.700.575.930.000	1.700.575.930.000
- Voting common stock	411a		1.700.575.930.000	1.700.575.930.000
- Preferred stock	411b		-	-
2. Share premiums	412		-	-
3. Bond conversion options	413		-	-
4. Other owners' equity	414		-	-
5. Treasury stocks	415		-	-
6. Differences on asset revaluation	416		-	-
7. Foreign exchange differences	417		-	-
8. Investment and development fund	418		-	-
9. Business arrangement supporting fund	419		-	-
10. Other funds	420		-	-
11. Retained earnings	421		475.237.864.415	281.014.132.446
- Retained earnings, prior period	421a		281.014.132.446	204.021.336.510
- Retained earnings, current period	421b		194.223.731.969	76.992.795.936
12. Construction investment fund	422		-	-
II. Other sources and funds	430		-	-
1. Sources of expenditure	431		-	-
2. Fund to form fixed assets	432		-	-
TOTAL LIABILITIES AND OWNER'S EQUITY	440		4.247.068.814.775	4.376.536.398.281

Prepared by



Trần Thu Trà

Chief Accountant



Nguyễn Dũng Hoàng

Prepared on 24 January 2025

Deputy General Director



Trần Huyền Trang

TRUONG THANH DEVELOPMENT AND CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nam Cuom Village, Nam Bung Commune, Van Chan District, Yen Bai Province

MID-YEAR COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the accounting period ended December 31, 2024

COMBINED INCOME STATEMENT

Fourth quarter of 2024

CHỈ TIÊU	Code	Note	Fourth quarter		Accumulated from the beginning of the year to the end of this quarter	Previous year	Đơn vị tính: VND
			Current period	Previous period			
1. Sales	01	VL1	168,793,404,986	153,550,514,333	734,110,258,096	655,479,232,628	
2. Sales deductions	02		-	-	-	-	
3. Net sales	10		168,793,404,986	153,550,514,333	734,110,258,096	655,479,232,628	
4. Costs of sales	11	VL2	80,210,209,110	74,272,625,378	310,602,728,909	287,644,373,035	
5. Gross profit/ (loss)	20		88,583,195,876	79,277,888,955	423,507,529,187	367,834,859,593	
6. Financial income	21	VL3	232,747,958	108,559,079	259,596,056	172,486,239	
7. Financial expenses	22	VL4	35,178,461,323	56,798,953,511	146,104,599,230	223,085,525,165	
In which: Loan interest expenses	23		35,178,461,323	48,928,345,701	146,104,599,230	211,481,339,563	
8. Selling expenses	25		-	-	-	-	
9. General and administration expenses	26	VL5	8,245,189,692	7,768,025,528	25,746,263,563	20,025,613,615	
10. Net operating profit/ (loss)	30		45,392,292,819	14,819,468,995	251,916,262,450	124,896,207,052	
11. Other income	31		6,020,001	762,950	30,261,605	660,377,811	
12. Other expenses	32	VL6	2,565,260,684	4,935,358,678	6,545,690,360	12,444,414,330	
13. Other profit/ (loss)	40		(2,559,240,683)	(4,934,595,728)	(6,515,428,755)	(11,784,036,519)	
14. Total accounting profit/ (loss) before tax	50		42,833,052,136	9,884,873,267	245,400,833,695	113,112,170,533	
15. Current income tax	51		5,587,462,862	2,620,454,229	16,616,693,089	11,651,735,731	
16. Deferred income tax	52		-	-	-	-	
17. Profit/ (loss) after tax	60		37,245,589,274	7,264,419,038	228,784,140,606	101,460,434,802	
18. Earnings per share	70	VL7	173.24	(3.62)	1,143.11	452.75	

Prepared by



Trần Thu Trà

Chief Accountant



Nguyễn Dũng Hoàng

Prepared on 24 January 2025









Trần Huyền Trang

TRUONG THANH DEVELOPMENT AND CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nam Cuom Village, Nam Bung Commune, Van Chan District, Yen Bai Province

MID-YEAR COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the accounting period ended December 31, 2024

COMBINED CASH FLOW STATEMENT

(Under indirect method)

Year 2024

Unit: VND

Accumulated from the beginning of the
year to the end of this quarter

ITEMS	Code	Note	Accumulated from the beginning of the year to the end of this quarter	
			Current year	Previous year
I. Cash flows from operating activities				
1 Profit/ (loss) before tax	01		245.400.833.695	113.112.170.533
2 Adjustments				
- Depreciation of fixed assets and investment properties	02		216.927.734.053	205.742.815.269
- Provisions and allowances	03		-	7.870.607.810
- Exchange gain/ (loss) due to revaluation of monetary items in foreign currencies	04		-	-
- Gain/ loss from investing activities	05		(259.596.056)	(172.486.239)
- Interest expenses	06		146.104.599.230	211.481.339.563
- Others	07		-	-
3 Operating profit/ (loss) before changes of working capital	08		608.173.570.922	538.034.446.936
- Increase/ (decrease) of receivables	09		(52.283.995.878)	(9.153.702.571)
- Increase/ (decrease) of inventories	10		-	-
- Increase/ (decrease) of payables	11		(54.265.329.215)	(304.202.629.036)
- Increase/ (decrease) of prepaid expenses	12		(132.206.788)	1.419.257.564
- Increase/ (decrease) of trading securities	13		-	-
- Interests paid	14		(151.790.268.420)	(206.076.327.943)
- Corporate income tax paid	15		(16.674.576.890)	(14.822.505.336)
- Other cash inflows	16		-	-
- Other cash outflows	17		(10.877.000.000)	(3.586.416.000)
Net cash flows from operating activities	20		322.150.193.731	1.612.123.614
II. Cash flows from investing activities				
1 Purchases and construction of fixed assets and other long-term assets	21		(11.214.839.091)	-
2 Proceeds from disposals of fixed assets and other long-term assets	22		-	-
3 Cash outflow for lending, buying debt instruments of other entities	23		-	-
4 Cash recovered from lending, selling debt instruments of other entities	24		-	200.000.000
5 Investments into other entities	25		-	-
6 Withdrawals of investments in other entities	26		-	-
7 Interest earned, dividends and profits received	27		259.596.056	172.486.239
Net cash flows from investing activities	30		(10.955.243.035)	372.486.239

For the accounting period ended December 31, 2024

Combined Cash flow statement

ITEMS	Code	Note	Current year	Previous year
III. Cash flows from financing activities				
1 Proceeds from issuing stocks and capital contributions from owners	31		-	-
2 Repayment for capital contributions and re-purchases of stocks already issued	32		-	-
3 Proceeds from borrowings	33		51.704.068.712	322.676.583.058
4 Repayment for loan principal	34		(339.069.910.618)	(403.286.557.639)
5 Payments for financial leased assets	35		-	-
6 Dividends and profit paid to the owners	36		-	-
<i>Net cash flows from financing activities</i>	40		(287.365.841.906)	(80.609.974.581)
Net cash flows during the period	50		23.829.108.790	(78.625.364.728)
Beginning cash and cash equivalents	60	V.1	3.907.257.691	82.532.622.419
Effects of fluctuations in foreign exchange rates	61		-	-
Ending cash and cash equivalents	70	V.1	27.736.366.481	3.907.257.691

Prepared by



Trần Thu Trà

Chief Accountant



Nguyễn Dũng Hoàng

Prepared on 24 January 2025

Deputy General Director



Trần Huyền Trang

TRUONG THANH DEVELOPMENT CONSTRUCTION AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nam Cuom Village, Nam Bung Commune, Van Chan District, Yen Bai Province

MID-YEAR COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the accounting period ended December 31, 2024

Notes to the Combined Financial Statements (continued)

NOTES TO THE MID-YEAR COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the accounting period ended December 31, 2024

I. OPERATION FEATURES

1. **Ownership form** : Joint Stock Company
2. **Operating field** : Manufacturing, construction, installation and trade
3. **Main operation during the year:**

- Construction, production, operation of power projects;
- Electricity trading;
- Construction of civil, industrial, postal-telecommunications, irrigation, hydroelectric works, wind power projects, road traffic at all levels, airports, ports, bridges, urban works and industrial parks, interior decoration;
- Construction and installation of works, power lines and transformer stations up to 110KV, 35KV transformer stations;
- Restaurant, hotel, eco-tourism, entertainment area business (excluding bar, dance hall, karaoke room business);
- Production and trading of machinery, materials and equipment serving the construction industry;
- Production and trading of construction materials, stone mining;
- Purchase agent, sales agent, consignment of goods;
- Import and export of the company's business items./.

4. Business Structure

Dependent units

<u>Name</u>	<u>Address</u>
Branch of Truong Thanh Development and Construction Investment Joint Stock Company in Ninh Thuan	Lô 03, Lot 03, Row N2, 16/4 Street, My Hai Ward, Phan Rang-Thap Cham City, Ninh Thuan Province. Branch code: 0102899812-003

5. **Common producing and business cycle** : within 12 months
6. **Characteristics of the enterprise's operations in the accounting period affecting the General Financial Statements:** None.
7. **Statement on the comparability of information in the financial statements:** The data of the combined financial statements is completely consistent and ensures comparability with the data of the previous year's combined financial statements.

TRUONG THANH DEVELOPMENT CONSTRUCTION AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nam Cuom Village, Nam Bung Commune, Van Chan District, Yen Bai Province

MID-YEAR COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

for the accounting period ended December 31, 2024

Notes to the Combined Financial Statements (continued)

8. Employee

At the end of the fiscal year, the enterprise has 137 employees working (the number of employees working on January 1, 2024 is 132 employees)

II. FISCAL YEAR, CURRENCY USED IN ACCOUNTING

1. Fiscal Year

The Company's fiscal year begins on January 1 and ends on December 31 of each year.

2. Currency used in accounting

The currency used in accounting is the Vietnamese Dong (VND).

III. APPLICABLE ACCOUNTING STANDARDS AND REGIMES

1. Applicable accounting regime

The Company applies the Vietnam Enterprise Accounting Regime issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22/12/2014, Circular No. 53/2016/TT-BTC in 2016 amending and supplementing Circular No. 200/2014/TT-BTC and circulars guiding the implementation of accounting standards and regimes of the Ministry of Finance.

2. Declaration on compliance with accounting standards and accounting regimes

The Board of Directors ensures that it has complied with the requirements of accounting standards, the accounting regime of Vietnamese enterprises issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22/12/2014, Circular No. 53/2016/TT-BTC in 2016 amending and supplementing Circular No. 200/2014/TT-BTC as well as circulars guiding the implementation of accounting standards of the Ministry of Finance in the preparation of financial reports main synthesis.

3. Applicable forms of accounting

The company uses the form of computerized general journal accounting.

IV. APPLICABLE ACCOUNTING POLICIES

1. Basis for preparation of general financial statements

Combined financial statements shall be made on the basis of accrual accounting (except for information related to cash flows).

Affiliated units shall organize their own accounting work and dependent accounting. The general financial statements of the whole enterprise shall be prepared on the basis of summarizing the general financial statements of the affiliated units. In the financial statements, internal transactions and internal balances related to assets, capital sources and internal receivables and liabilities have been excluded.

2. Operations in foreign currencies

Actual exchange rates for transactions in foreign currencies arising in the year:

- The actual exchange rate when buying and selling foreign currencies is the exchange rate specified in the foreign currency purchase and sale contract between the Company and the commercial bank;

TRUONG THANH DEVELOPMENT CONSTRUCTION AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nam Cuom Village, Nam Bung Commune, Van Chan District, Yen Bai Province

MID-YEAR COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

for the accounting period ended December 31, 2024

Notes to the Combined Financial Statements (continued)

- The exchange rate when contributing capital or receiving capital contribution is the foreign currency purchase rate of the bank where the Company opens an account to receive capital from investors on the date of capital contribution;
- The exchange rate when recording receivables is the purchase rate of the commercial bank where the Company designates the customer to pay at the time the transaction arises;
- The exchange rate when recording liabilities is the selling rate of the commercial bank where the Company is expected to transact at the time the transaction arises;
- The exchange rate when purchasing assets or making immediate payment in foreign currencies is the purchase rate of the commercial bank where the Company makes the payment.

Actual exchange rates when re-evaluating currency items of foreign currency origin at the time of making the general financial statements:

- For classification items being assets subject to foreign currency purchase rates;
- For foreign currency deposits, the purchase rate of the bank where the Company opens the foreign currency account shall apply;
- For items classified as liabilities, the foreign currency selling rate of the commercial bank where the Company regularly conducts transactions shall be applied.

All actual exchange rate differences arising in the year and differences due to the revaluation of the balance of monetary items of foreign currency origin at the end of the year shall be accounted into the results of business activities of the fiscal year.

3. Cash and cash equivalents

Money includes cash at the fund, demand bank deposits, monetary gold used with value storage functions, excluding gold classified as inventory used for the purpose of producing products or goods for sale.

4. Financial investments

Investments held to maturity

An investment is classified as holding to maturity when the Company intends and is able to hold it to maturity. Investments held to maturity include: term bank deposits (including bills, promissory notes), bonds, preferred stocks that the issuer is required to redeem at a certain time in the future, and loans held to maturity for the purpose of earning interest on a period of time and until another maturity date.

Investments held to maturity are initially recorded at the original price including the purchase price and the costs associated with the purchase of investments. After the initial receipt, these investments are recorded at a recoverable value. Interest income from investments held up to maturity after the purchase date shall be recorded on the Statement of Business Results on an estimated basis. The interest enjoyed before the enterprise holds is recorded as deducted from the original price at the time of purchase.

Investments in subsidiaries, joint ventures, associates

TRUONG THANH DEVELOPMENT CONSTRUCTION AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nam Cuom Village, Nam Bung Commune, Van Chan District, Yen Bai Province

MID-YEAR COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

for the accounting period ended December 31, 2024

Notes to the Combined Financial Statements (continued)

Affiliates

An associate is a business in which the Company has significant influence but no control over its financial and operational policies. Significant influence is reflected in the right to participate in the making of financial and operational policy decisions of the investee but not control these policies.

Investments in an associated company are initially recognized at the cost price, including the purchase price or capital contribution Total the costs directly related to the investment. In case of investment with non-monetary assets, the fee price of the investment shall be recorded according to the fair value of the non-monetary asset at the time of incurrence.

5. Accounts receivable

Receivables are presented according to the book value minus the provisions for bad debts.

The classification of receivables as customer receivables, internal receivables and other receivables shall be carried out according to the following principles:

- Customer receivables reflect receivables of a commercial nature arising from transactions of a buy-sell nature between the company and the buyer being an independent unit from the company, including receivables from the sale of export goods entrusted to other units.
- Internal receivables reflect receivables of affiliated units that do not have dependent accounting legal status.
- Other receivables reflect receivables that are not commercial in nature, not related to purchase and sale transactions.

A provision for bad debts shall be made for each bad debt based on the overdue age of the debts or the expected level of possible losses, specifically as follows:

- For overdue receivables:
 - 30% of the value of overdue receivables from 6 months to less than 1 year.
 - 50% of the value of overdue receivables from 1 year to less than 2 years.
 - 70% of the value of overdue receivables from 2 years to less than 3 years.
 - 100% of the value of receivables for 3 years or more.
- For receivables that are not overdue but are difficult to recover: based on the expected loss level to make provisions.

6. Principles for recording inventory

Inventory is recorded at a lower price between the original price and the net realizable value.

The original price of inventory is determined as follows:

- Raw materials and goods: including purchase costs and other directly related costs incurred to obtain inventory at the current location and state.

The value of inventories is calculated according to the weighted average method and is accounted according to the regular declaration method.

7. Tangible Fixed Assets

TRUONG THANH DEVELOPMENT CONSTRUCTION AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nam Cuom Village, Nam Bung Commune, Van Chan District, Yen Bai Province

MID-YEAR COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

for the accounting period ended December 31, 2024

Notes to the Combined Financial Statements (continued)

Tangible fixed assets are expressed at historical cost minus accumulated wear and tear. The historical cost of tangible fixed assets includes all expenses that enterprises must incur to acquire fixed assets up to the time of putting such assets into a state of readiness for use. Expenses incurred after the initial recognition shall only be recorded as an increase in the historical cost of a fixed asset if these expenses are certain to increase future economic benefits due to the use of such assets. Expenses incurred that do not satisfy the above conditions are recorded as production and business expenses in the year.

When tangible fixed assets are sold or liquidated, the historical cost and accumulated wear and tear value are wiped out and profits and losses arising from liquidation are recorded in income or expenses in the year.

Tangible fixed assets are depreciated in a straight-line method based on estimated useful life. The number of depreciation years of tangible fixed assets is as follows:

<u>Fixed Asset Types</u>	<u>Number of years</u>
Houses and Architectural Objects	20 – 50
Machinery and Equipment	05 - 25
Means of transport and transmission	05 – 10
Instrument Management Equipment	05 - 07
Other Fixed Assets	20 - 25

8. Intangible fixed assets

Intangible fixed assets are expressed at historical cost minus accumulated wear and tear.

The historical cost of intangible fixed assets includes all expenses that enterprises must incur to acquire fixed assets up to the time of putting such assets into a state of readiness for use. Expenses related to intangible fixed assets incurred after initial recognition are recognized as production and business expenses in the period unless these expenses are associated with a specific intangible fixed asset and increase the economic benefits from these assets.

When intangible fixed assets are sold or liquidated, the historical cost and accumulated depreciation value are wiped out and profits and losses arising from liquidation are recorded in income or expenses in the year.

The intangible fixed assets of the enterprise include:

Land use rights

The land use rights belong to the map sheet No. 105/2009/BĐĐC at the address of Nam Cuom village, Nam Bung commune, Van Chan district, Yen Bai province according to the Land Use Right Certificate issued on May 18, 2009. The shelf life is long, so there is no depreciation.

9. Costs of unfinished capital construction

TRUONG THANH DEVELOPMENT CONSTRUCTION AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nam Cuom Village, Nam Bung Commune, Van Chan District, Yen Bai Province

MID-YEAR COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

for the accounting period ended December 31, 2024

Notes to the Combined Financial Statements (continued)

Expenses for unfinished capital construction reflect directly related expenses (including interest expenses related to loans in accordance with the accounting policies of the enterprise) to assets under construction, machinery and equipment being installed for production purposes, etc. leasing and management as well as costs associated with ongoing fixed asset repairs. These assets are recorded at the original price and are not subject to depreciation.

10. Upfront costs

Prepaid expenses include actual expenses that have been incurred but are related to the results of production and business activities of many accounting periods. The enterprise's prepaid expenses include the following expenses:

Tools and tools

Tools and instruments that have been put into use shall be allocated to the cost according to the straight-line method with an allocation period of not more than 03 years.

Large repair costs

Repair costs shall be allocated to expenses according to the straight-line method with an allocation period of not more than 03 years.

11. Liabilities and expenses payable

Liabilities and expenses payable are recognized for future amounts payable in relation to goods and services received. Costs to be paid are recorded based on reasonable estimates of the amount to be paid.

The classification of payables as payables to sellers, payables, internal payables and other payables shall be carried out according to the following principles:

- Seller payables reflect payables of a commercial nature arising from the purchase of goods, services, assets, and the seller is independent of the company, including payables on imports through the trustee.
- Expenses payable reflect amounts payable for goods and services received from sellers or provided to buyers but not yet paid due to lack of invoices or insufficient accounting records and documents and amounts payable to employees in terms of leave wages, production and business expenses must be deducted in advance.

Other payables reflect payables that are not commercial in nature, not related to the purchase, sale or provision of goods and services.

12. Principles for recording loans and financial lease liabilities

The company must monitor the details of the payable terms of loans and financial lease debts. Amounts with a repayment period of more than 12 months from the time of making the general financial statements, the accountant presents them as loans and long-term financial leases. The amounts due within the next 12 months from the time of making the general financial statements, the accountant presents them as short-term loans and financial leases to have a payment plan.

For financial lease debts, the total amount of lease debt reflected to the Credit side of account 341 is the total amount payable calculated by the present value of the minimum rent payment or the fair value of the leased property.

TRUONG THANH DEVELOPMENT CONSTRUCTION AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nam Cuom Village, Nam Bung Commune, Van Chan District, Yen Bai Province

MID-YEAR COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

for the accounting period ended December 31, 2024

Notes to the Combined Financial Statements (continued)

Loans and debts in foreign currencies must be converted into accounting currency units at the actual transaction rate at the time of incurrence;

- When repaying debts or borrowing in foreign currencies, the Debtor of account 341 shall be converted according to the exchange rate recorded in the actual accounting books named for each subject;

- When making the general financial statements, the balances of financial loans and leases in foreign currencies must be re-evaluated according to the actual exchange rate at the time of making the general financial statements.

- Exchange rate differences arising from the payment and revaluation at the end of the period of financial loans and leases in foreign currencies shall be accounted into revenues or expenses for financial activities.

13. Equity

Owner's contributed capital

The owner's contributed capital is recorded according to the actual capital contributed by shareholders.

Profit Distribution

Profit after corporate income tax is distributed to shareholders after setting up funds according to the Company's Charter as well as the provisions of law and approved by the General Meeting of Shareholders.

14. Recognition of revenue and income

Sales of semi-finished products

Turnover from the sale of goods shall be recognized when the following conditions are satisfied at the same time:

- The business has transferred most of the risks and benefits associated with the ownership of the product or goods to the buyer.
- Enterprises no longer hold the right to manage goods like the owner of goods or the right to control goods.
- Revenue is determined relatively certainly. When the contract stipulates that the buyer is entitled to return the products or goods purchased under specific conditions, the turnover shall be recorded only when such specific conditions no longer exist and the buyer is not entitled to return the products or goods (except for cases where the customer has the right to return the goods in exchange for the goods, other services).
- The business has obtained or will obtain economic benefits from the sale.
- Determine the costs associated with the sale.

Revenue from service provision

The revenue of a service provision transaction is recognized when the outcome of the transaction is reliably determined. In case the service is performed in many periods, the turnover recorded in the period shall be based on the results of the completed work on the end of the accounting period. The result of a transaction for the provision of services is determined when all of the following conditions are met:

TRUONG THANH DEVELOPMENT CONSTRUCTION AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nam Cuom Village, Nam Bung Commune, Van Chan District, Yen Bai Province

MID-YEAR COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

for the accounting period ended December 31, 2024

Notes to the Combined Financial Statements (continued)

- Revenue is determined relatively certainly. When the contract stipulates that the buyer is entitled to return the purchased services under specific conditions, the revenue is only recognized when those specific conditions no longer exist and the buyer is not entitled to return the services provided.
- There is a possibility of obtaining economic benefits from the transaction of providing such services.
- Identify the portion of work that has been completed by the end of the fiscal year.
- Determine the costs incurred for the transaction and the costs to complete the transaction to provide such services.

Interest

Interest is recorded on an accrual basis, determined on the balance of deposit accounts and the actual interest rate for each period.

15. Accounting principles for the cost of goods sold.

The cost of goods sold in the year is recorded in accordance with the revenue generated in the period and ensures compliance with the prudential principle.

For the cost of raw materials directly consumed in excess of the normal level, labor costs, fixed general production costs not allocated to the value of warehousing products, the accountant must immediately include them in the cost of goods sold (after deducting compensations, if any) even if the products, goods that have not been determined to be consumed.

The provision for inventory depreciation is included in the cost of goods sold on the basis of the quantity of inventory and the difference between the net realizable value is less than the original price of inventory. When determining that the volume of inventory that is discounted needs to be set aside for provision, the accountant must exclude the volume of inventory that has been signed under the consumption contract (with a net realizable value not lower than the book value) but has not yet been transferred to the customer if there is solid evidence that the customer will not abandon the performance of the contract.

16. Borrowing costs

Borrowing costs include loan interest and other expenses incurred directly related to loans.

Borrowing costs are recorded in expenses when incurred. In case borrowing expenses are directly related to the investment in construction or production of unfinished assets, it is necessary to have a long enough period (over 12 months) to be put into use for predetermined purposes or sold, these borrowing expenses shall be capitalized. For private loans for the construction of fixed assets and investment real estate, the loan interest is capitalized even if the construction period is less than 12 months. Income arising from the temporary investment of loans shall be recorded as a decrease in the historical cost of the relevant assets.

For common loans, which are used for the purpose of construction investment or production of unfinished assets, the capitalized borrowing expenses shall be determined according to the capitalization ratio of the weighted average accumulated expenses incurred for the investment in capital construction or production of such assets. The capitalization ratio is calculated according to

TRUONG THANH DEVELOPMENT CONSTRUCTION AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nam Cuom Village, Nam Bung Commune, Van Chan District, Yen Bai Province

MID-YEAR COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

for the accounting period ended December 31, 2024

Notes to the Combined Financial Statements (continued)

the weighted average interest rate of outstanding loans in the year, except for separate loans serving the purpose of forming a specific asset.

17. Principles of accounting for business management expenses

Enterprise management expenses reflect the general management expenses of the enterprise, including expenses on salaries of employees of the enterprise management department (salaries, wages, allowances,...); social insurance, health insurance, trade union funding, unemployment insurance of enterprise managers; expenses for office materials, labor tools, depreciation of fixed assets used for enterprise management; land rent, license tax; provision for bad debts; outsourced services (electricity, water, telephone, fax, property insurance, fire and explosion...); other monetary expenses (reception, customer conferences, etc.).

18. Current principles and methods of recording corporate income tax expenses

Current corporate income tax expenses

Corporate income tax expenses are the current income tax, which is calculated based on taxable income. The difference between taxable income and accounting profits is due to the adjustment of temporary differences between taxes and accounting, non-deductible expenses as well as adjustments for non-taxable income and forwarded losses.

Truong Thanh Development and Construction Investment Joint Stock Company enjoys tax incentives with the following specific contents:

+ Ngoi Hut 2A Hydropower Project, Pa Hu Hydropower Project, Bau Ngu Lake Solar Power Project, Nui 1 Lake Solar Power Project are new investment projects that are subject to a preferential tax rate of 10% for 15 years. 100% corporate income tax exemption for the first 4 years of taxable income, 50% reduction for the next 9 years.

+ Ngoi Hut 2 Hydropower Project is an expansion investment project, accordingly, the project applies a common tax rate, 100% corporate income tax exemption for the first 4 years, 50% reduction for the next 9 years.

+ Other activities are subject to a tax rate of 20%.

19. Financial instruments

i. Financial assets

Financial Asset Classification

The company classifies financial assets into groups: financial assets recognized at fair value through the Statement of Business Results, investments held to maturity, loans and receivables, financial assets ready for sale. The classification of these financial assets depends on the nature and purpose of the financial assets and is decided at the time of initial recognition.

Financial assets are recognized at fair value through the Statement of Business Results

Financial assets are classified as recognized at fair value through the Statement of Business Results if they are held for business purposes or are classified as reflected at fair value through the Statement of Business Results at the time of initial recognition.

Financial assets are classified as securities held for business if:

- Purchased or created primarily for short-term resale purposes;
- The company intends to hold for the purpose of short-term profit;
- Derivative financial instruments (except for derivative financial instruments that are defined as a financial guarantee contract or an effective hedging instrument).

TRUONG THANH DEVELOPMENT CONSTRUCTION AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nam Cuom Village, Nam Bung Commune, Van Chan District, Yen Bai Province

MID-YEAR COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

for the accounting period ended December 31, 2024

Notes to the Combined Financial Statements (continued)

Investments held to maturity

Investments held to maturity are non-derivative financial assets with fixed or identifiable payments and have a fixed maturity that the Company intends and is likely to hold until the maturity date.

Loans and receivables

Loans and receivables are non-derivative financial assets with fixed or identifiable payments and are not listed on the market.

Financial assets ready for sale

Ready-to-sell financial assets are non-derivative financial assets that are determined to be ready for sale or are not classified as financial assets recognized at fair value through the Statement of Results of Business, investments held to maturity or loans and receivables.

Initial book value of financial assets

Financial assets are recorded at the date of purchase and stop recorded at the date of sale. At the time of initial recognition, financial assets are determined according to the purchase price/issuance cost Total other expenses directly related to the purchase and issuance of such financial assets.

ii. Financial liabilities

The company classifies financial liabilities into groups: financial liabilities are recorded at fair value through the Statement of Business Results, financial liabilities are determined according to the allocation value. The classification of financial debts depends on the nature and purpose of the financial debt and is decided at the time of initial recognition.

Financial liabilities are recognized at fair value through the Statement of Business Results

Financial liabilities are classified as recognized at fair value through the Statement of Business Results if they are held for business purposes or are classified as reflected at fair value through the Statement of Business Results at the time of initial recognition.

Financial liabilities are classified as securities held for business if:

- Issued or created primarily for the purpose of short-term acquisition;
- The company intends to hold for the purpose of short-term profit;
- Derivative financial instruments (except for derivative financial instruments that are defined as a financial guarantee contract or an effective hedging instrument).

Financial liabilities are determined according to the allocation value

Financial liabilities are determined according to the allocation value determined by the initial recognized value of financial liabilities minus principal repayments, Total or minus accumulated allocations calculated by the actual interest rate method of the difference between the original recognized value and the maturity value, deductions (either directly or through the use of a backup account) due to a decrease in value or due to irrevocable.

The effective interest rate method is a method of calculating the allocation value of one or a group of financial liabilities and allocating interest income or interest expense in the relevant period. The effective interest rate is the interest rate that discounts the estimated cash flows that will be paid or received in the future over the expected life of the financial instrument or, if necessary, a return to the net present book value of the financial liabilities.

Initial book value of financial liabilities

At the time of initial recognition, financial liabilities are determined according to the issuance price Total expenses directly related to the issuance of such financial debts.

TRUONG THANH DEVELOPMENT CONSTRUCTION AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nam Cuom Village, Nam Bung Commune, Van Chan District, Yen Bai Province

MID-YEAR COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

for the accounting period ended December 31, 2024

Notes to the Combined Financial Statements (continued)

iii. Equity Instruments

Equity instrument is a contract that proves the remaining interests in the Company's assets after deducting all obligations.

20. Reporting by Department

A segment by business segment is a separately identifiable part that is involved in the production or supply of products or services and has different risks and economic benefits than other business segments.

A geographical division is a separately identifiable part that is involved in the production or provision of products and services within a specific economic environment and has different economic risks and benefits than business divisions in other economic environments.

21. Related Parties

Parties are considered involved if one party has the ability to control or have significant influence over the other in decision-making of financial and operational policies. Parties are also considered related parties if they are under common control or are under common significant influence.

In considering the relationship between stakeholders, the nature of the relationship is more focused on the legal form.

Transactions with relevant parties during the year are set out in Exhibit VII.1

V. ADDITIONAL INFORMATION FOR THE ITEMS PRESENTED IN THE GENERAL BALANCE SHEET

1. Cash and cash equivalents

	<u>Ending balance</u>	<u>Opening balance</u>
Cash	1.170.206.060	1.078.986.887
Demand bank deposits	26.566.160.421	2.828.270.804
Total	<u>27.736.366.481</u>	<u>3.907.257.691</u>

2. Short-term trade receivables

	<u>Ending balance</u>	<u>Opening balance</u>
Northern Power Corporation	33.017.304.923	29.800.153.781
Electricity Power Trading Company	77.110.152.593	57.228.725.563
Total	<u>110.127.457.516</u>	<u>87.028.879.344</u>

3. Short-term prepayments to suppliers

	<u>Ending balance</u>	<u>Opening balance</u>
<i>Upfront to other sellers</i>	<i>10.370.919.586</i>	<i>8.360.501.880</i>
GE Energy Power Conversion UK Ltd	-	2.358.839.880
Bac A Hanoi Construction Investment Consulting Joint Stock Company	2.000.000.000	2.000.000.000
Energy Institute	750.000.000	2.543.880.000
Astech Trading & Technology Co., Ltd.	2.051.840.000	-
Energy Consulting and Equipment Joint Stock Company	1.316.500.000	493.000.000

TRUONG THANH DEVELOPMENT CONSTRUCTION AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nam Cuom Village, Nam Bung Commune, Van Chan District, Yen Bai Province

MID-YEAR COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

for the accounting period ended December 31, 2024

Notes to the Combined Financial Statements (continued)

	<u>Ending balance</u>	<u>Opening balance</u>
Song Ma Engineering Trading & TV Co., Ltd.	1.050.711.000	-
Thuan Tien Fire and Rescue Construction Co., Ltd.	2.301.674.400	-
Other Suppliers	900.194.186	964.782.000
Total	<u>10.370.919.586</u>	<u>8.360.501.880</u>

4. Other short-term receivables

	<u>Ending balance</u>		<u>Opening balance</u>	
	Value	Redundancy	Value	Redundancy
<i>Receivables from Stakeholders</i>	<i>120.142.500.000</i>	-	<i>92.117.500.000</i>	-
Ms. Nguyen Thi Ngoc (*)	96.642.500.000	-	64.617.500.000	-
Truong Thanh Construction Co., Ltd.	23.500.000.000	-	27.500.000.000	-
<i>Receivables from other organizations and individuals</i>	<i>3.978.283.214</i>	-	<i>4.828.283.214</i>	-
Advance	-	-	850.000.000	-
Input VAT not yet declared	3.978.283.214	-	3.978.283.214	-
Other receivables	-	-	-	-
Total	<u>124.120.783.214</u>	-	<u>96.945.783.214</u>	-

(*) It is a temporary payment of Mr. Tran Huy Duc's loan according to Minutes No. 10.05/2023/BB-HDQT dated May 10, 2023.

5. Prepaid expenses

a) Short-term prepaid expenses

	<u>Ending balance</u>	<u>Opening balance</u>
Cost of Insurance	430.484.914	256.437.277
Other short-term prepaid expenses	-	49.272.724
Total	<u>430.484.914</u>	<u>305.710.001</u>

b) Long-term prepaid expenses

	<u>Ending balance</u>	<u>Opening balance</u>
Tools and equipments	84.082.520	76.650.645
Total	<u>84.082.520</u>	<u>76.650.645</u>

TRUONG THANH DEVELOPMENT CONSTRUCTION AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nam Cuom Village, Nam Bung Commune, Van Chan District, Yen Bai Province

MID-YEAR COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the accounting period ended December 31, 2024

Notes to the Combined Financial Statements (continued)

6. Tangible fixed assets	House, building materials	Machinery and equipment	Means of transportation	Equipment, management tools	Other fixed assets	Total
<i>Historical cost</i>						
Beginning balance	2.831.849.918.636	2.042.328.134.330	25.886.557.135	469.079.450	155.144.020.827	5.055.677.710.378
Purchase of the year	-	-	2.162.549.091	-	-	2.162.549.091
Ending balance	2.831.849.918.636	2.042.328.134.330	28.049.106.226	469.079.450	155.144.020.827	5.057.840.259.469
<i>In which:</i>						
<i>Fully depreciated but still in use</i>						
<i>Accumulated depreciation</i>						
Beginning balance	513.340.598.100	448.501.927.005	16.247.680.576	449.744.450	42.737.458.308	1.021.277.408.439
Depreciation in the period	92.893.584.856	103.011.013.375	2.403.494.582	19.335.000	6.929.375.094	205.256.802.907
Depreciation of Nam Tang 3 connection	-	2.379.908.465	-	-	9.291.022.681	11.670.931.146
Ending balance	606.234.182.956	553.892.848.845	18.651.175.158	469.079.450	58.957.856.083	1.238.205.142.492
Net book value						
Beginning balance	2.318.509.320.536	1.593.826.207.325	9.638.876.559	19.335.000	112.406.562.519	4.034.400.301.939
Ending balance	2.225.615.735.680	1.488.435.285.485	9.397.931.068	-	96.186.164.744	3.819.635.116.977

Tangible fixed assets with original cost of VND 5,029,322,073,793 and VND 3,810,237,185,909 are mortgaged to secure a loan from Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development - Son La Branch; Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development - Lang Son Branch; Vietnam Development Bank - Yen Bai Development Bank Branch; Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development - Yen Bai Branch.

7. Intangible fixed assets

Land use rights belong to map sheet No. 105/2009/BĐDC at the address of Nam Cuom village, Nam Bung commune, Van Chan district, Yen Bai province according to the Land Use Rights Certificate issued on May 18, 2009. This land use rights value is being used as collateral for a loan at Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development - Yen Bai Branch.

TRUONG THANH DEVELOPMENT CONSTRUCTION AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nam Cuom Village, Nam Bung Commune, Van Chan District, Yen Bai Province

MID-YEAR COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the accounting period ended December 31, 2024

Notes to the Combined Financial Statements (continued)

8. Long-term assets in process

	<u>Ending balance</u>	<u>Opening balance</u>
<i>Construction-in-progress</i>	<i>55.118.977.597</i>	<i>46.066.687.597</i>
Wind Power Project In Ninh Thuan	1.520.909.091	1.520.909.091
Nam Bung Hydropower Project	374.074.074	374.074.074
Nam Cang 1A Hydropower Project	687.336.442	687.336.442
Phuoc Hoa Pumped Storage Hydropower Project	48.511.183.794	42.802.663.794
Southern Dinh River Ecological Service Urban Area Project	1.520.909.091	681.704.196
Other assets	3.343.770.000	
Total	<u>55.118.977.597</u>	<u>46.066.687.597</u>

9. Investment in joint ventures and associates

It is an investment in Phuong Mai Wind Power Joint Stock Company according to the Business Registration Certificate 4100440107 amended for the 7th time on April 16, 2020.

	<u>Ending balance</u>		<u>Opening balance</u>	
	<u>Historical cost</u>	<u>Contingency cost</u>	<u>Historical cost</u>	<u>Contingency cost</u>
Phuong Mai Wind Power Joint Stock Company	115.500.000.000	(17.203.100.930)	115.500.000.000	(17.203.100.930)
Total	<u>115.500.000.000</u>	<u>(17.203.100.930)</u>	<u>115.500.000.000</u>	<u>(17.203.100.930)</u>

10. Held-to-maturity investments

	<u>Ending balance</u>		<u>Opening balance</u>	
	<u>Historical cost</u>	<u>Book value</u>	<u>Historical cost</u>	<u>Book value</u>
Bonds	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Total	<u>1.000.000.000</u>	<u>1.000.000.000</u>	<u>1.000.000.000</u>	<u>1.000.000.000</u>

11. Short-term trade payables

	<u>Ending balance</u>	<u>Opening balance</u>
<i>Must pay other suppliers</i>	<i>3.372.041.471</i>	<i>5.826.473.835</i>
Institute of Energy Technology	-	2.160.000.000
Northern High Voltage Power Grid Company	1.264.224.798	1.264.224.798
Ocean Industry Joint Stock Company	1.012.768.574	1.012.768.574
Grid Solutions Vietnam Co., Ltd.	-	264.011.843
Other Suppliers	1.095.048.099	1.125.468.620
Total	<u>3.372.041.471</u>	<u>5.826.473.835</u>

TRUONG THANH DEVELOPMENT CONSTRUCTION AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nam Cuom Village, Nam Bung Commune, Van Chan District, Yen Bai Province.

MID-YEAR COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the accounting period ended December 31, 2024

Notes to the Combined Financial Statements (continued)**12. Taxes and other obligations to the State Budget**

	Opening balance		Number incurred in the year			Ending balance	
	Payable	Receivables	Payable amount	Submitted number	Payable	Receivables	
VAT on local sales	8.688.714.809	-	54.580.579.383	(60.394.177.838)	2.875.116.354	-	
Corporate Income Tax	11.651.735.731	-	16.616.693.089	(16.674.576.890)	11.593.851.930	-	
Personal Income Tax	1.771.836.992	-	2.513.617.691	(4.100.041.030)	185.413.653	-	
Resource tax	1.000.237.124	-	29.122.316.934	(28.895.533.140)	1.227.020.918	-	
Other taxes	-	-	4.000.000	(4.000.000)	-	-	
Fees, fees and other payables	4.290.340.141	-	12.153.302.747	(14.014.145.988)	2.429.496.900	-	
Total	27.402.864.797	-	114.990.509.844	(124.082.474.886)	18.310.899.755	-	

The Company's tax finalization will be subject to inspection by the Tax Authority. Due to the application of the Law and tax provisions to various types of transactions that can be interpreted in different ways, the tax amount presented on the Combined Financial Statements may be changed at the discretion of the tax authority.

Value Added Tax

The company pays value-added tax by the deduction method at the tax rate of 10%.

Import and export tax

The company declares and submits according to the notice of the Customs.

TRUONG THANH DEVELOPMENT CONSTRUCTION AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nam Cuom Village, Nam Bung Commune, Van Chan District, Yen Bai Province

MID-YEAR COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the accounting period ended December 31, 2024

Notes to the Combined Financial Statements (continued)

Corporate Income Tax

Truong Thanh Development and Construction Investment Joint Stock Company enjoys tax incentives with the following specific contents:

+ Ngoi Hut 2A Hydropower Project, Pa Hu Hydropower Project, Bau Ngu Lake Solar Power Project, Nui 1 Lake Solar Power Project are new investment projects that are subject to a preferential tax rate of 10% for 15 years. 100% corporate income tax exemption for the first 4 years of taxable income, 50% reduction for the next 9 years.

+ Ngoi Hut 2 Hydropower Project is an expansion investment project, accordingly, the project applies a common tax rate, 100% corporate income tax exemption for the first 4 years, 50% reduction for the next 9 years.

+ Other activities are subject to a tax rate of 20%.

Other taxes

The company declares and submits according to regulations.

13. Short-term accrued expenses

	<u>Ending balance</u>	<u>Opening balance</u>
Interest expenses payable	1.488.078.748	7.173.747.938
LC Renewal Cost	-	3.562.842.884
Other costs	-	125.292.000
Total	<u>1.488.078.748</u>	<u>10.861.882.822</u>

14. Other payables

a) Other short-term payables

	<u>Ending balance</u>	<u>Opening balance</u>
<i>payable to other units and individuals</i>	-	336.000.000
Remuneration of the Board of Directors	-	336.000.000
<i>payable to other units and individuals</i>	34.560.408.637	38.971.434.610
Trade union funding	-	73.360.120
Social Insurance	-	217.676.657
Health Insurance	-	38.194.219
Unemployment Insurance	-	17.069.719
Profit Sharing Business Cooperation	34.560.408.637	38.625.133.895
Total	<u>34.560.408.637</u>	<u>39.307.434.610</u>

b) Other long-term payables

Is payable for Business Cooperation of Ngoi Hut 2 Hydropower Project; Ngoi Hut 2A Hydropower Project; Bau Ngu Lake Solar Power Plant Project.

	<u>Ending balance</u>	<u>Opening balance</u>
<i>Stakeholders must be paid</i>	4.500.000.000	4.500.000.000
Mr. Nguyen Duy Vien ⁽¹⁾	4.500.000.000	4.500.000.000
<i>Payable Business Cooperation</i>	120.807.948.000	120.807.948.000
Mr. Cao Dang Kieu ⁽²⁾	97.141.760.000	97.141.760.000
Mr. Trau Kien Hoa ⁽³⁾	5.555.388.000	5.555.388.000
Mr. Daniel Trieu ⁽⁴⁾	11.110.800.000	11.110.800.000
Mr. To Thanh Ha ⁽⁵⁾	4.000.000.000	4.000.000.000
Mr. Pham Manh Thang ⁽⁶⁾	3.000.000.000	3.000.000.000
Total	<u>125.307.948.000</u>	<u>125.307.948.000</u>

TRUONG THANH DEVELOPMENT CONSTRUCTION AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nam Cuom Village, Nam Bung Commune, Van Chan District, Yen Bai Province

MID-YEAR COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

for the accounting period ended December 31, 2024

Notes to the Combined Financial Statements (continued)

(1) This is the amount payable to Mr. Nguyen Duy Vien under the Investment Cooperation Contract. Specifically

+ Investment Cooperation Contract No. 05/2020/TTA-HTĐTNH2A dated March 4, 2020. Accordingly, Mr. Nguyen Duy Vien contributed VND 4,500,000,000 to the Ngoi Hut 2A Hydropower Plant Project. Mr. Nguyen Duy Vien will receive 5.35% of the after-tax profit of the Ngoi Hut 2A Hydropower Plant Project.

(2) This is the amount payable to Mr. Cao Dang Kieu under the Investment Cooperation Contract. Specifically

+ Investment Cooperation Contract No. 07/2020/TTA-HTĐTNH2 dated March 4, 2020. Accordingly, Mr. Cao Dang Kieu contributed VND 77,386,200,000 to the Ngoi Hut 2 Hydropower Plant Project. Mr. Cao Dang Kieu will receive 20.44% of the after-tax profit of the Ngoi Hut 2 Hydropower Plant Project

+ Investment Cooperation Contract No. 06/2020/TTA-HTĐTNH2A dated March 4, 2020. Accordingly, Mr. Cao Dang Kieu contributed VND 19,755,560,000 to the Ngoi Hut 2A Hydropower Plant Project. Mr. Cao Dang Kieu will receive 23.49% of the after-tax profit of the Ngoi Hut 2A Hydropower Plant Project.

(3) This is the amount payable to Mr. Trau Kien Hoa under the Investment Cooperation Contract. Specifically

+ Investment Cooperation Contract No. 01/2020/TTA-HTĐTNH2 dated March 4, 2020. Accordingly, Mr. Trau Kien Hoa contributed VND 4,890,800,000 to the Ngoi Hut 2 Hydropower Plant Project. Mr. Trau Kien Hoa will receive 1.28% of the after-tax profit of the Ngoi Hut 2 Hydropower Plant Project

+ Investment Cooperation Contract No. 02/2020/TTA-HTĐTNH2A dated March 4, 2020. Accordingly, Mr. Trau Kien Hoa contributed VND 664,588,000 to the Ngoi Hut 2A Hydropower Plant Project. Mr. Trau Kien Hoa will receive 0.79% of the after-tax profit of the Ngoi Hut 2A Hydropower Plant Project.

(4) This is the amount payable to Mr. Daniel Trieu under the Investment Cooperation Contract. Specifically

+ Investment Cooperation Contract No. 04/2020/TTA-HTĐTNH2 dated March 4, 2020. Accordingly, Mr. Daniel Trieu contributed VND 9,781,600,000 to the Ngoi Hut 2 Hydropower Plant Project. Mr. Daniel Trieu will receive 2.59% of the after-tax profit of the Ngoi Hut 2 Hydropower Plant Project

+ Investment Cooperation Contract No. 03/2020/TTA-HTĐTNH2A dated March 4, 2020. Accordingly, Mr. Daniel Trieu contributed VND 1,329,200,000 to the Ngoi Hut 2A Hydropower Plant Project. Mr. Daniel Trieu will receive 1.58% of the after-tax profit of the Ngoi Hut 2A Hydropower Plant Project.

(5) This is the amount payable to Mr. To Thanh Ha under the Investment Cooperation Contract. Specifically Investment Cooperation Contract No. 08/2020/TTA-HTĐTNH2 dated April 2, 2020. Accordingly, Mr. To Thanh Ha contributes VND 4,000,000,000 to the Ngoi Hut 2 Hydropower Plant Project. Mr. To Thanh Ha will receive 0.91% of the after-tax profit of the Ngoi Hut 2 Hydropower Plant Project

(6) This is the amount payable to Mr. Pham Manh Thang under the Investment Cooperation Contract. Specifically, Investment Cooperation Contract No. 2007/2020/TTA-HTĐTBN dated July 20, 2020. Accordingly, Mr. Pham Manh Thang contributes VND 3,000,000,000 to the Bau Ngu Lake Solar Power Plant Project. Mr. Pham Manh Thang will receive 0.51% of the after-tax profit of the Bau Ngu Lake Solar Power Plant Project.

TRUONG THANH DEVELOPMENT CONSTRUCTION AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nam Cuom Village, Nam Bung Commune, Van Chan District, Yen Bai Province

MID-YEAR COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

for the accounting period ended December 31, 2024

Notes to the Combined Financial Statements (continued)

15. Loans and financial lease debts

a) Short-term financial loans and leases

	Ending balance		Opening balance	
	Value	Number capable of repaying debts	Value	Number capable of repaying debts
<i>Short-term loans for members of the Board of Directors</i>	-	-	15.000.000.000	15.000.000.000
Short-term loans for members of the Board of Directors	-	-	15.000.000.000	15.000.000.000
<i>Short-term loans from other organizations</i>	15.092.974.664	15.092.974.664	30.918.360.620	30.918.360.620
Bank short-term loans	15.092.974.664	15.092.974.664	30.918.360.620	30.918.360.620
<i>Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - Yen Bai Branch (1)</i>	15.092.974.664	15.092.974.664	30.918.360.620	30.918.360.620
<i>Long-term loans due to be repaid to banks</i>	258.640.000.000	258.640.000.000	256.390.000.000	256.390.000.000
Syndicated loan from Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development - Son La Branch and Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development - Lang Son Branch - Ngoi Hut 2A Project (2)	23.640.000.000	23.640.000.000	26.390.000.000	26.390.000.000
Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development - Son La Branch and Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development - Lang Son Branch (3)	52.000.000.000	52.000.000.000	47.000.000.000	47.000.000.000
Vietnam Development Bank - Yen Bai Development Bank Branch	100.000.000.000	100.000.000.000	95.000.000.000	95.000.000.000
Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - Yen Bai Branch - Credit contract No. 01/2015/2548422/HDTD dated June 19, 2015	53.000.000.000	53.000.000.000	58.000.000.000	58.000.000.000
Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - Yen Bai Branch - credit contract No. 01/2018/2548422/HDTD dated August 6, 2018 (4)	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000
Total	273.732.974.664	273.732.974.664	302.308.360.620	302.308.360.620

(1) This is a loan from Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - Yen Bai Branch under the credit line contract No. 01/2023/2548422/HDTD dated 05/07/2023, with a limit of VND 31,000,000,000 including the entire short-term loan balance, opening a transitional L/C from the credit limit contract No. 01/2022/2548422/HDTD dated 22/06/2022. For the purpose of additional working capital, guarantee and L/C opening, the time limit is 12 months from the date of signing the contract.

The collateral is:

+ Hydropower plant and OPY station according to the property mortgage contract No. 01/2023/2548422/HDBD dated 11/10/2023. The value of the property is 11,146,000,000 VND.

TRUONG THANH DEVELOPMENT CONSTRUCTION AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nam Cuom Village, Nam Bung Commune, Van Chan District, Yen Bai Province

MID-YEAR COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

for the accounting period ended December 31, 2024

Notes to the Combined Financial Statements (continued)

+ Land use rights and land-attached assets of the Ngoi Hut 2 Hydropower Plant Project under the Real Estate Mortgage Contract No. 02/2023/2548422/HDBD dated 30/11/2023. The value of the Asset is 33,140,000,000 VND.

TRUONG THANH DEVELOPMENT CONSTRUCTION AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nam Cuom Village, Nam Bung Commune, Van Chan District, Yen Bai Province

MID-YEAR COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the accounting period ended December 31, 2024

Notes to the Combined Financial Statements (continued)

Details of the arising numbers of short-term loans and financial lease debts are as follows:

	Opening balance	Loan amount incurred in the period	Carryover from long-term loans and liabilities	Loan amount paid in the period	Ending balance
Short-term loans for members of the Board of Directors	15.000.000.000	-	-	(15.000.000.000)	-
Short-term loans for members of the Board of Directors	15.000.000.000	-	-	(15.000.000.000)	-
Short-term loans from other organizations	30.918.360.620	51.704.068.712	-	(67.529.454.668)	15.092.974.664
Bank short-term loans	30.918.360.620	51.704.068.712	-	(67.529.454.668)	15.092.974.664
<i>Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - Yen Bai Branch (1)</i>	30.918.360.620	51.704.068.712	-	(67.529.454.668)	15.092.974.664
Long-term loans due to be repaid to banks	256.390.000.000	-	258.790.455.950	(256.540.455.950)	258.640.000.000
Syndicated loan from Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development - Son La Branch and Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development - Lang Son Branch - Ngoi Hut 2A Project (2)	26.390.000.000	-	23.639.999.998	(26.389.999.998)	23.640.000.000
Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development - Son La Branch and Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development - Lang Son Branch (3)	47.000.000.000	-	52.000.000.000	(47.000.000.000)	52.000.000.000
Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - Yen Bai Branch - credit contract No. 01/2018/2548422/HDTD dated August 6, 2018 (4)	95.000.000.000	-	100.000.000.000	(95.000.000.000)	100.000.000.000
Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - credit contract No. 01/2020/2548422/HDTD dated June 17, 2020 (5)	58.000.000.000	-	53.250.000.000	(58.250.000.000)	53.000.000.000
Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - credit contract No. 01/2021/2548422/HDTD dated November 2, 2021 (6)	30.000.000.000	-	29.900.455.952	(29.900.455.952)	30.000.000.000
Total	302.308.360.620	51.704.068.712	258.790.455.950	(339.069.910.618)	273.732.974.664

TRUONG THANH DEVELOPMENT CONSTRUCTION AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nam Cuom Village, Nam Bung Commune, Van Chan District, Yen Bai Province

MID-YEAR COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the accounting period ended December 31, 2024

Notes to the Combined Financial Statements (continued)

b) Long-term financial loans and leases

	Ending balance		Opening balance	
	Value	Number capable of repaying debts	Value	Number capable of repaying debts
<i>Long-term loans for members of the Board of Directors</i>	<i>139.250.977.715</i>	<i>139.250.977.715</i>	<i>139.250.977.715</i>	<i>139.250.977.715</i>
Long-term loans for members of the Board of Directors	139.250.977.715	139.250.977.715	139.250.977.715	139.250.977.715
<i>Long-term bank loans</i>	<i>1.460.166.508.809</i>	<i>1.460.166.508.809</i>	<i>1.718.956.964.759</i>	<i>1.718.956.964.759</i>
Syndicated loan from Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development - Son La Branch and Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development - Lang Son Branch - Ngoi Hut 2A Project (2)	47.536.951.023	47.536.951.023	71.176.951.021	71.176.951.021
Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development - Son La Branch and Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development - Lang Son Branch (3)	425.600.000.000	425.600.000.000	477.600.000.000	477.600.000.000
Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - Yen Bai Branch - credit contract No. 01/2018/2548422/HDTD dated August 6, 2018 (4)	412.999.986.619	412.999.986.619	512.999.986.619	512.999.986.619
Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - credit contract No. 01/2020/2548422/HDTD dated June 17, 2020 (5)	456.526.571.167	456.526.571.167	509.776.571.167	509.776.571.167
Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - credit contract No. 01/2021/2548422/HDTD dated November 2, 2021 (6)	117.503.000.000	117.503.000.000	147.403.455.952	147.403.455.952
Total	1.599.417.486.524	1.599.417.486.524	1.858.207.942.474	1.858.207.942.474

(2) This is a syndicated loan between the Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development - Son La Branch and Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development - Lang Son Branch under credit contract No. 99-2015/HDTD/SL-LA/NH2A dated June 15, 2015, the loan limit is 134,000,000,000 VND, the purpose of investing in the Ngoi Hut 2A hydropower project, the loan term is 144 months from the first disbursement date, the collateral is the right to the capital contribution of the company's shareholders based on mortgage contract No. 01-2015 dated June 20, 2015, the estimated value of this collateral is 409,735,000,000 VND, the additional mortgage contract for assets formed from loan capital No. 02-2016/HDSDBS dated September 1, 2016, the estimated value of the assets formed is VND 256,165,000,000. The amended and supplemented contract No. 01-2016HĐTD/SL-LA/NH2A dated September 1, 2016, changed the loan limit to VND 179,000,000,000 and the Debt Repayment Plan appendix, accordingly, the loan is fully paid on September 30, 2027.

(3) This is a syndicated loan between the Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development - Son La Branch and Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development - Lang Son Branch under

TRUONG THANH DEVELOPMENT CONSTRUCTION AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nam Cuom Village, Nam Bung Commune, Van Chan District, Yen Bai Province

MID-YEAR COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

for the accounting period ended December 31, 2024

Notes to the Combined Financial Statements (continued)

credit contract No. 02-2017/HDTD/SL-LA dated October 10, 2017, loan limit of VND 607,000,000,000, for investment in Pa Hu hydropower project, loan term is 14 years from the first disbursement date, collateral is the entire value of the project.

(4) This is a loan from Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - Yen Bai Branch under the credit contract No. 01/2018/2548422/HDTD dated 6/8/2018 for the purpose of investing in Bau Ngu Lake Solar Power Plant Project invested by the borrower, the total approved investment capital is 1,426,050,000,000 VND, the total principal amount is up to VND 914,000,000,000 but does not exceed 70% of the total project investment, the loan term is 132 months from the date of the first disbursement, the collateral is:

+ Land use rights of 8 land plots with an area of 736,695.5m² in Phuoc Hai commune, Ninh Phuoc district; Phuoc Dinh commune, Thuan Nam district; Phuoc Nam commune, Thuan Nam district, Ninh Thuan province according to the Certificate of land use rights, ownership of houses and other land-attached assets No. DA 846941 issued by the Department of Natural Resources and Environment of Ninh Thuan province on 13/09/2021 and Bau Ngu lake solar power plant attached to the land under the real estate mortgage contract No. 021/2021/2548422 dated 30/12/2021. The value of the collateral is 145,703,000,000 VND.

+ Machinery and equipment of Bau Ngu Lake Solar Power Plant Project under the Contract for Collateral Addition No. 01/2021/2548422/HDSDBS. The value of the collateral is 1,126,427,000,000 VND.

+ Hydropower plant and OPY station according to the Mortgage Contract No. 01/2023/2548422/HDBD dated 11/10/2023. The value of collateral for the Contract is 28,944,000,000 VND.

+ Land use rights and land-attached assets of the Ngoi Hut 2 Hydropower Plant Project under the Real Estate Mortgage Contract No. 02/2023/2548422/HDBD dated 30/11/2023. The value of the Asset is 86,056,000,000 VND.

(5) Being a loan from Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - Yen Bai Branch under the credit contract No. 01/2020/2548422/HDTD dated 17/6/2020 for the purpose of investing in Ho Nui Mot 1 Solar Power Farm invested by the borrower, the total approved investment capital is 1,036,000,000,000 VND, the total principal amount is up to VND 648,000,000,000 but not exceeding 69% of the total project investment, the loan term is 156 months from the date of the first disbursement.

The collateral is:

+ Land use rights of 02 land plots with a total area of 488,562.5m² in Phuoc Dinh commune, Thuan Nam district, Ninh Thuan province according to the Certificate of land use rights, ownership of houses and other land-attached assets No. DH 913386, registration number: CT 05839 issued by the Department of Natural Resources and Environment of Ninh Thuan province on 19/05/2023 and the Solar Power Plant Nui 1 lake is associated with the land. The value of the collateral is VND 294,444,000,000 according to the Real Estate Mortgage Contract of the Nui Lake 1 Solar Power Project No. 02/2020/254422/HDTTC dated October 21, 2020 and the Amendment and Supplement Document No. 01/2023/254422/HDSDBS.

+ Hydropower plant and OPY station according to the Mortgage Contract No. 01/2023/2548422/HDBD dated 11/10/2023. The value of the collateral for the contract is 50,337,000,000 VND.

+ Land use rights and land-attached assets of the Ngoi Hut 2 Hydropower Plant Project under the Real Estate Mortgage Contract No. 02/2023/2548422/HDBD dated 30/11/2023. The value of the Asset is 149,663,000,000 VND.

(6) This is a loan from Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - Yen Bai Branch under the credit contract No. 01/2021/2548422/HDTD dated 02/11/2021 for the purpose of lending self-owned capital to form the asset of Ngoi Hut 2 Hydropower Plant invested by

TRUONG THANH DEVELOPMENT CONSTRUCTION AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nam Cuom Village, Nam Bung Commune, Van Chan District, Yen Bai Province

MID-YEAR COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

for the accounting period ended December 31, 2024

Notes to the Combined Financial Statements (continued)

the borrower, the total approved investment capital is 200,503,000,000 VND, The loan term is 96 months from the date of the first disbursement.

The collateral is:

+ Hydropower plant and OPY station according to the Mortgage Contract No. 01/2023/2548422/HDBD dated 11/10/2023. The value of the collateral for the Contract is 85,514,840,000 VND.

+ Land use rights and land-attached assets of the Ngoi Hut 2 Hydropower Plant Project under the Real Estate Mortgage Contract No. 02/2023/2548422/HDBD dated 30/11/2023. The value of the Asset is 254,257,520,000,000 VND.

TRUONG THANH DEVELOPMENT CONSTRUCTION AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nam Cuom Village, Nam Bung Commune, Van Chan District, Yen Bai Province

MID-YEAR COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the accounting period ended December 31, 2024

Notes to the Combined Financial Statements (continued)

Details of the arising numbers of loans and long-term financial lease debts are as follows:

	Opening balance	Loan amount incurred in the year	Loan amount paid during the year	Carryover to loans and short-term liabilities	Ending balance
Long-term loans for members of the Board of Directors	139,250,977.715	-	-	-	139,250,977.715
Long-term loans for members of the Board of Directors	139,250,977.715	-	-	-	139,250,977.715
Long-term bank loans	1,718,956,964.759	-	-	(258,790,455.950)	1,460,166,508.809
Syndicated loan from Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development - Son La Branch and Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development - Lang Son Branch - Ngoi Hut 2A Project (2)	71,176,951.021	-	-	(23,639,999.998)	47,536,951.023
Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development - Son La Branch and Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development - Lang Son Branch (3)	477,600,000.000	-	-	(52,000,000.000)	425,600,000.000
Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - Yen Bai Branch - credit contract No. 01/2018/2548422/HDTD dated August 6, 2018 (4)	512,999,986.619	-	-	(100,000,000.000)	412,999,986.619
Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - credit contract No. 01/2020/2548422/HDTD dated June 17, 2020 (5)	509,776,571.167	-	-	(53,250,000.000)	456,526,571.167
Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - credit contract No. 01/2021/2548422/HDTD dated November 2, 2021 (6)	147,403,455.952	-	-	(29,900,455.952)	117,503,000.000
Total	1,858,207,942.474	-	-	(258,790,455.950)	1,599,417,486.524

TRUONG THANH DEVELOPMENT CONSTRUCTION AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nam Cuom Village, Nam Bung Commune, Van Chan District, Yen Bai Province

MID-YEAR COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the accounting period ended December 31, 2024

Notes to the Combined Financial Statements (continued)

16. Reward and welfare fund

	Opening balance	Increase due to appropriation from profits	Fund expenditure in the period	Ending balance
Reward Fund	6.924.306.076	-	(5.190.000.000)	1.734.306.076
Welfare Fund	11.506.014.276	-	(3.687.000.000)	7.819.014.276
Reward fund of the Management and Executive Board	2.000.000.000	-	(2.000.000.000)	-
Total	20.430.320.352	-	(10.877.000.000)	9.553.320.352

17. Equity

Equity fluctuation table

	Owner's investment capital	Retained profit after tax	Total
Balance at the beginning of the previous year	1.574.629.370.000	340.766.201.532	1.915.395.571.532
Capital Increase	125.946.560.000	(125.946.560.000)	-
Profit in the previous year	-	101.460.434.802	101.460.434.802
Appropriation for the establishment of reward and welfare funds	-	(9.798.305.022)	(9.798.305.022)
Appropriation for the establishment of the Executive Board Reward Fund(*)	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Profit Sharing Business Cooperation	-	(24.467.638.866)	(24.467.638.866)
Balance at the end of the previous year	1.700.575.930.000	281.014.132.446	1.981.590.062.446
Balance at the beginning of this year	1.700.575.930.000	281.014.132.446	1.981.590.062.446
Profit in this period	-	228.784.140.606	228.784.140.606
Profit Sharing Business Cooperation	-	(34.560.408.637)	(34.560.408.637)
Balance at the end of this period	1.700.575.930.000	475.237.864.415	2.175.813.794.415

Details of the owner's contributed capital as of June 30, 2024:

	Ending balance	Proportion	Opening balance	Proportion
Mr. Tran Huy Duc	395.549.560.000	23,26%	395.549.560.000	23,26%
Mr. Tran Huy Thieu	85.800.650.000	5,05%	110.854.650.000	6,52%
Truong Thanh Construction Co., Ltd.	401.848.120.000	23,63%	401.848.120.000	23,63%
Ms. Nguyen Thi Ngoc	197.774.780.000	11,63%	197.774.780.000	11,63%
Other Shareholders	619.602.820.000	36,43%	594.548.820.000	34,96%
Total	1.700.575.930.000	100,00%	1.700.575.930.000	100,00%

c) Stocks

	Ending balance	Opening balance
Number of shares registered for issuance	170.057.593	170.057.593
Number of shares issued/sold to the public	170.057.593	170.057.593
- Common Stocks	170.057.593	170.057.593

TRUONG THANH DEVELOPMENT CONSTRUCTION AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nam Cuom Village, Nam Bung Commune, Van Chan District, Yen Bai Province

MID-YEAR COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

for the accounting period ended December 31, 2024

Notes to the Combined Financial Statements (continued)

	<u>Ending balance</u>	<u>Opening balance</u>
- <i>Preferred Stocks</i>		
Number of shares repurchased	-	-
- <i>Common Stocks</i>		
- <i>Preferred Stocks</i>		
Number of shares outstanding	170.057.593	170.057.593
- <i>Common Stocks</i>	170.057.593	170.057.593
- <i>Preferred Stocks</i>	-	-

Par value of outstanding shares: 10,000 VND.

18. Items off the balance sheet

a) Foreign currencies of all kinds

	<u>Ending balance</u>	<u>Opening balance</u>
Foreign currencies of all kinds		
US Dollar (USD)	40,61	67,01

b) Settled bad debts

	<u>Ending balance</u>	<u>New Year's Numbers</u>
Bad debts have been settled	2.019.870.488	2.019.870.488

VI. ADDITIONAL INFORMATION FOR THE ITEMS PRESENTED IN THE COMBINED STATEMENT OF BUSINESS RESULTS

1. Turnover

Revenue from sales and provision of services

	Accumulated from the beginning of the year to the end of this period	
	<u>This year</u>	<u>Previous year</u>
Electricity sales revenue	676.995.653.946	622.699.510.506
Revenue from taxes and fees related to electricity sale activities	43.364.604.150	32.779.722.122
Revenue from Nam Tang 3 connection activities	13.750.000.000	
Total	<u>734.110.258.096</u>	<u>655.479.232.628</u>

2. Cost of goods sold

	Accumulated from the beginning of the year to the end of this period	
	<u>This year</u>	<u>Previous year</u>
Cost of electricity	255.567.193.613	254.864.650.913
Cost of taxes and fees related to electricity sale activities	43.364.604.150	32.779.722.122
Cost of Nam Tang 3 connection operation	11.670.931.146	
Total	<u>310.602.728.909</u>	<u>287.644.373.035</u>

TRUONG THANH DEVELOPMENT CONSTRUCTION AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nam Cuom Village, Nam Bung Commune, Van Chan District, Yen Bai Province

MID-YEAR COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

for the accounting period ended December 31, 2024

Notes to the Combined Financial Statements (continued)

3. Revenue from financial activities

	Accumulated from the beginning of the year to the end of this period	
	<u>This year</u>	<u>Previous year</u>
Deposit Interest	259.596.056	172.486.239
Total	<u>259.596.056</u>	<u>172.486.239</u>

4. Financial Costs

	Accumulated from the beginning of the year to the end of this period	
	<u>This year</u>	<u>Previous year</u>
Interest expense	146.104.599.230	211.481.339.563
Exchange rate difference losses incurred	-	3.733.577.792
Provision for investment	-	7.870.607.810
Total	<u>146.104.599.230</u>	<u>223.085.525.165</u>

5. Business management expenses

	Accumulated from the beginning of the year to the end of this period	
	<u>This year</u>	<u>Previous year</u>
Employee Expenses	10.207.043.762	8.064.506.939
Fixed asset depreciation costs	1.384.365.300	1.389.986.217
Taxes, fees and charges	43.171.325	4.000.000
Cost of outsourced services	567.038.505	1.591.379.022
Other expenses	13.544.644.671	8.975.741.437
Total	<u>25.746.263.563</u>	<u>20.025.613.615</u>

6. Other expenses

	Accumulated from the beginning of the year to the end of this period	
	<u>This year</u>	<u>Previous year</u>
Tax Penalties	2.923.324.862	10.619.506.854
Donations	2.946.772.998	415.000.000
Depreciation expenses are not deductible	675.592.500	1.218.435.000
Other expenses	-	191.472.476
Total	<u>6.545.690.360</u>	<u>- 12.444.414.330</u>

7. Underlying earnings per share

	<u>This year</u>	<u>Previous year</u>
Accounting profit after corporate income tax	228.784.140.606	101.460.434.802
Adjustments to increase and decrease accounting profits to determine profits distributed to shareholders owning ordinary shares:		
- Payment of Business Cooperation Profits	(34.560.408.637)	(24.467.638.866)
	(34.560.408.637)	(24.467.638.866)

TRUONG THANH DEVELOPMENT CONSTRUCTION AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nam Cuom Village, Nam Bung Commune, Van Chan District, Yen Bai Province

MID-YEAR COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

for the accounting period ended December 31, 2024

Notes to the Combined Financial Statements (continued)

	<u>This year</u>	<u>Previous year</u>
Profits distributed to shareholders who own common shares	194.223.731.969	76.992.795.936
Common shares are circulating on average in the year	170.057.593	170.057.593
Underlying earnings per share	1.142,11	452,75

The average outstanding common stock in the year is calculated as follows:

	Accumulated from the beginning of the year to the end of this period	
	<u>This year</u>	<u>Previous year</u>
Common shares in circulation at the beginning of the year	170.057.593	170.057.593
Impact of shares issued in the period	-	-
Ordinary shares are circulating on average in the period	170.057.593	170.057.593

VII. OTHER INFORMATION

1. Information about stakeholders

Stakeholders with the Company include: key management members, individuals related to key management members and other stakeholders.

A, Transactions and balances with key management members and individuals related to key management members

Key management members include: members of the Board of Directors and members of the Executive Board (Board of General Directors, Chief Accountant). Individuals related to key management members are close family members of key management members

Income of members of the Board of Directors:

Duty		<u>This period</u>
Board of Directors		
Ms. Nguyen Thi Ngoc	Chairman of the Board of Directors	915.936.000
Ms. Tran Huyen Trang	Member of the Board of Directors Deputy General Director	436.224.000
Mr. Nguyen Van Truong	Member of the Board of Directors Deputy General Director	462.000.000
Mr. Nguyen Duy Hung	General Director	545.046.000
Mr. Nguyen Thanh Ha	Deputy General Director	436.224.000

At the end of the fiscal year, the liabilities of key management members and individuals related to key management members are presented in Explanation No. V.14 and V.15.

B. Transactions with other related parties:

Related Parties	Relationship
Truong Thanh Construction Co., Ltd.	+ Director of Truong Thanh Construction Co., Ltd. is a member of the Board of Directors of Truong Thanh

TRUONG THANH DEVELOPMENT CONSTRUCTION AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nam Cuom Village, Nam Bung Commune, Van Chan District, Yen Bai Province

MID-YEAR COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

for the accounting period ended December 31, 2024

Notes to the Combined Financial Statements (continued)

	Construction Investment and Development Joint Stock Company
	+ Director of Truong Thanh Construction Co., Ltd. is a major shareholder of Truong Thanh Construction Investment and Development Joint Stock Company
	+ Truong Thanh Construction Co., Ltd. is a major shareholder of Truong Thanh Construction Investment and Development Joint Stock Company
Truong Thanh Construction Investment Co., Ltd.	+ Member of the Board of Directors of Truong Thanh Construction and Development Investment Joint Stock Company is a capital contributor of Truong Thanh Construction Investment Co., Ltd.
Phuong Mai Wind Power Joint Stock Company	+ Phuong Mai Wind Power Joint Stock Company is an associate company

At the end of the fiscal year, debts to related parties are presented in TM V3, V4.

The main operations arising in the year between the Company and other related parties are as follows:

	Accumulated from the beginning of the year to the end of this period	
	This year	Previous year
Truong Thanh Construction Co., Ltd.		
Receivables under construction investment capital sharing contracts	14.850.000.000	-
Collection of money under construction investment capital sharing contracts	14.850.000.000	
Refund of advance for Suoi Sap hydropower project (*)	4.000.000.000	13.000.000.000

(*) According to the resolution of the Board of Directors No. 23.05/2023/TTA/NQ-HDQT dated May 23, 2023 approving the suspension and cancellation of the transfer of Suoi Sap 2 Hydropower Project in Suoi To commune, Phu Yen district, Son La province from Truong Thanh Construction Co., Ltd.

At the end of the fiscal year, liabilities to stakeholders are presented in note V3.

2. Part Information

Department information is presented by business area and geographic area. The main division reports are by geographical area based on the internal organizational and management structure and the Company's internal combined financial reporting system due to the Company's business activities organized and managed according to the nature of the products and services provided by the Company with each division being a unit. The business offers different products and caters to different markets.

TRUONG THANH DEVELOPMENT CONSTRUCTION AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nam Cuom Village, Nam Bung Commune, Van Chan District, Yen Bai Province

MID-YEAR COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

for the accounting period ended December 31, 2024

Notes to the Combined Financial Statements (continued)

Geographic Area

The company has the following main business areas:

- Yen Bai Area
- Ninh Thuan area

Business Areas

The company has the following business areas:

- Electricity trading, transfer of power lines
- Other fields: Sales of goods and provision of services

Information on business results, fixed assets and other long-term assets and the value of large non-cash expenses of the division by geographical area based on the location of the enterprise's customers is as follows:

TRUONG THANH DEVELOPMENT CONSTRUCTION AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nam Cuom Village, Nam Bung Commune, Van Chan District, Yen Bai Province

MID-YEAR COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the accounting period ended December 31, 2024

Notes to the Combined Financial Statements (continued)

	Yen Bai Area	Ninh Thuan area	Exclusions	Total
This year				
Net revenue from sales and external service provision	386,193,025,394	347,917,232,702	-	734,110,258,096
Net revenue from sales and service delivery between departments				
Total net revenue from sales and service provision	386,193,025,394	347,917,232,702	-	734,110,258,096
Parts Cost	166,174,666,043	144,428,062,866		310,602,728,909
Business results by division	220,018,359,351	203,489,169,836		423,507,529,187
Non-departmental expenses				(25,746,263,563)
Profit from business activities				397,761,265,624
Revenue from financial activities				259,596,056
Financial Costs				(146,104,599,230)
Other income				30,261,605
Other expenses				(6,545,690,360)
Current corporate income tax expenses				(16,616,693,089)
Deferred corporate income tax expenses				
Profit after corporate income tax				228,784,140,606
Total costs incurred to purchase fixed assets and other long-term assets	1,456,541,818	9,247,608,183		10,704,150,001
Total depreciation expense and long-term prepaid cost allocation	92,466,139,857	112,846,437,875		205,312,577,732

TRUONG THANH DEVELOPMENT CONSTRUCTION AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nam Cuom Village, Nam Bung Commune, Van Chan District, Yen Bai Province

MID-YEAR COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

for the accounting period ended December 31, 2024

Notes to the Combined Financial Statements (continued)

The assets and liabilities of the division by geographical area of the Company are as follows:

	Yen Bai Area	Ninh Thuan area	Exclusions	Total
Ending balance				
Direct assets of the department	3.910.517.287.396	1.887.564.787.546	(1.551.013.260.167)	4.247.068.814.775
Assets allocated to the department				
Total assets	3.910.517.287.396	1.887.564.787.546	(1.551.013.260.167)	4.247.068.814.775
Direct liabilities of the department	2.058.711.014.399	1.563.557.266.128	(1.551.013.260.167)	2.071.255.020.360
Liabilities allocated to the department				
Total liabilities	2.058.711.014.399	1.563.557.266.128	(1.551.013.260.167)	2.071.255.020.360

Business Areas

Details of net revenue from sales and provision of external services by business field are as follows:

	This year	Previous year
Electricity Business	734.110.258.096	655.479.232.628
Other fields		
Total	734.110.258.096	655.479.232.628

TRUONG THANH DEVELOPMENT CONSTRUCTION AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nam Cuom Village, Nam Bung Commune, Van Chan District, Yen Bai Province

MID-YEAR COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the accounting period ended December 31, 2024

Notes to the Combined Financial Statements (continued)

3. Financial Risk Management

The Company's operations incur the following financial risks: credit risk, liquidity risk and market risk. The Board of Directors is responsible for establishing policies and controls to mitigate financial risks as well as overseeing the implementation of established policies and controls.

A. Credit risk

Credit risk is the risk that a party to a contract is unable to perform its obligations, resulting in financial losses for the Company.

The company has credit risks arising mainly from customer receivables, bank deposits and loans.

Customer receivables

The company minimizes credit risk by only dealing with units with good financial capacity, requiring the opening of a letter of credit or having collateral for first-time trading units or without information about financial capacity. In addition, debt accountants regularly monitor receivables to urge recovery.

The Company's customer receivables are related to many units and individuals, so the concentrated credit risk for customer receivables is low.

Bank Deposits

The Company's term and non-term bank deposits are deposited at well-known banks in Vietnam, so the credit risk for bank deposits is low.

B. Liquidity risk

Liquidity risk is the risk that the Company has difficulty fulfilling its financial obligations due to lack of money.

The Company's liquidity risk mainly arises from the fact that financial assets and financial liabilities have different maturity times.

The company manages liquidity risk through measures: regularly monitoring current and expected future payment requirements to maintain an appropriate amount of money as well as loans, monitoring actual and expected cash flows in order to minimize the impact of fluctuations in cash flows. (presentation of liquidity risk management policy)

The payment term of non-derivative financial liabilities (excluding interest payable) is based on the contractual payment term and has not been discounted as follows:

TRUONG THANH DEVELOPMENT CONSTRUCTION AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nam Cuom Village, Nam Bung Commune, Van Chan District, Yen Bai Province

MID-YEAR COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

for the accounting period ended December 31, 2024

Notes to the Combined Financial Statements (continued)

	From 1 year below	Over 1 year to 5 years	Over 5 years	Total
Ending balance				
Borrowing and debt	273.732.974.664	1.202.290.915.357	397.126.571.167	1.873.150.461.188
Must be paid to the seller	3.372.041.471	-	-	3.372.041.471
Other payables	41.560.349.594	125.307.948.000	-	166.868.297.594
Total	318.665.365.729	1.327.598.863.357	397.126.571.167	2.043.390.800.253
New Year's Numbers				
Borrowing and debt	302.308.360.620	1.224.526.966.818	633.680.975.656	2.160.516.303.094
Must be paid to the seller	5.826.473.835	-	-	5.826.473.835
Other payables	55.462.425.757	125.307.948.000	-	180.770.373.757
Total	363.597.260.212	1.349.834.914.818	633.680.975.656	2.347.113.150.686

The Board of Directors believes that the level of risk to debt repayment is low. The company has the ability to pay debts due from cash flows from business activities and proceeds from maturing financial assets. The company has access to capital sources and loans due within 12 months can be extended with existing lenders.

4. Fair value of assets and financial liabilities

	Book Value		Fair value	
	Ending balance	New Year's Numbers	Ending balance	New Year's Numbers
Financial assets				
Cash and cash equivalents	27.736.366.481	3.907.257.691	27.736.366.481	3.907.257.691
Investments held to maturity	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Customer receivables	110.127.457.516	87.028.879.344	110.127.457.516	87.028.879.344
Other receivables	124.120.783.214	96.945.783.214	124.120.783.214	96.945.783.214
Financial assets ready for sale	99.296.899.070	98.296.899.070	99.296.899.070	98.296.899.070
Total	362.281.506.281	287.178.819.319	362.281.506.281	287.178.819.319
Financial liabilities				
Borrowing and debt	1.873.150.461.188	2.160.516.303.094	1.873.150.461.188	2.160.516.303.094
Must be paid to the seller	3.372.041.471	5.826.473.835	3.372.041.471	5.826.473.835
Other payables	166.868.297.594	180.770.373.757	166.868.297.594	180.770.373.757
Total	2.043.390.800.253	2.347.113.150.686	2.043.390.800.253	2.347.113.150.686

The fair value of financial assets and financial liabilities is reflected in the value that can be converted in a current transaction between parties who have full knowledge and desire to transact.

TRUONG THANH DEVELOPMENT CONSTRUCTION AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nam Cuom Village, Nam Bung Commune, Van Chan District, Yen Bai Province

MID-YEAR COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

for the accounting period ended December 31, 2024

Notes to the Combined Financial Statements (continued)

The Company uses the following methodology and assumptions to estimate the fair value of financial assets and financial liabilities:

- Fair value of cash and cash equivalents, customer receivables, loans, other receivables, loans, payables to sellers and other short-term payables equivalent to the book value (less provisions for the estimated portion that is likely to be unrecoverable) of these items due to short terms.
- The fair value of investments held to maturity and ready-to-sell financial assets listed on the stock market is the transaction price announced at the end of the fiscal year/accounting period. For investments held to maturity and financial assets ready for sale that have not yet been listed but have transaction prices announced by 3 securities companies at the end of the accounting period, the fair value of these investments is the average price on the basis of the transaction prices announced by 3 securities companies.
- The fair value of loans, customer receivables, other receivables, loans, seller payables and other long-term payables, investments held to maturity that are not listed on the stock market and have no transaction price published by 3 securities companies are estimated by discounting cash flow with interest rates applicable to debts with similar characteristics and remaining maturity periods.

The company has not carried out an official assessment of unlisted financial assets ready for sale and no trading prices of 3 securities companies announced. However, the Board of Directors assesses that the fair value of these financial assets is not materially different from the book value.

Scheduler



Tran Thu Tra

Chief Accountant



Nguyen Dung Hoang

Created January 24, 2025

Deputy General Director



Tran Huyen Trang